MỤC LỤC

I. ĐỀ KIỂM TRA SỐ 1

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM. (2 điểm)

Cho đoạn văn.

Tôi cảm thấy sau lưng tôi có một bàn tay dịu dàng đẩy tôi tới trước. Nhưng người tôi lúc ấy tự nhiên thấy nặng nề một cách lạ. Không giữ được chéo áo hay cánh tay người thân, vài ba cậu đã từ từ bước lên đứng trước hiên lớp. Các cậu lủng lẻo nhìn ra sân, nơi mà những người thân đang nhìn các cậu với cặp mắt lưu luyến. Một cậu đứng đầu ôm mặt khóc. Tôi bất giác quay lưng lại rồi dúi đầu vào lòng mẹ tôi nức nở khóc theo. Tôi nghe sau lưng tôi, trong đám học trò mới, vài tiếng thút thít đang ngập ngừng trong cổ. Một bàn tay quen nhẹ vuốt mái tóc tôi.

(Trích SGK *Ngữ văn 8*, tập một)

Trả lời các câu hỏi bằng cách khoanh tròn chữ cái ở đầu câu trả lời đúng nhất.

1. Nội dung chính của đoạn văn trên là gì?

A. Sự lưu luyến của các cậu bé khi lần đầu phải xa mẹ, đi học.

B. Tâm trạng bối rối, e sợ khi rời bàn tay mẹ để xếp hàng vào lớp của các cậu học sinh lần đầu đi học.

C. Tâm trạng bỡ ngỡ, bồi hồi của các cậu học sinh khi lần đầu bước chân vào cổng trường.

2. Ngôi kể chủ yếu vào cổng trường.

A. Ngôi thứ nhất

B. Ngôi thứ ba

C. Kết hợp ngôi kể thứ nhất với ngôi kể thứ ba.

3. Phương thức biểu đạt chủ yếu của đoạn văn trên?

A. Tự sự　　B. Biểu cảm　　C. Miêu tả

D. Tự sự + biểu cảm　　E. Tự sự kết hợp nghị luận.

4. Tác giả của đoạn trích trên có tên thật là:

A. Nguyên Hồng　　B. Trần Văn Ninh　　C. Phạm Hổ

5. Truyện ngắn "Tôi đi học" in trong tập truyện nào của tác giả?

A. Ngậm ngải tìm trầm　　B. Những giọt nước biển　　C. Quê mẹ

6. Sự việc trong đoạn trích trên xảy ra đã lâu, tại sao tác giả có thể kể lại một cách cụ thể, sinh động và giàu chất trữ tình như thế?

A. Vì ý nghĩa và vai trò to lớn của nhà trường đối với cuộc đời mỗi con người.

B. Vì kỉ niệm đó đã in sâu trong tâm trí tác giả, khi tác giả nhớ lại, mọi việc như mới diễn ra.

C. Vì tác giả thấy đi học rất vui.

7. Từ nào không có cùng phạm vi nghĩa trong các từ sau:

A. Khóc B. Lưu luyến C. Nức nở D. Thút thít

8. Trong các từ sau, từ nào có ý nghĩa khái quát nhất?

A. Nức nở B. Khóc C. Thút thít D. Sụt sịt

9. Văn bản "Tôi đi học" có chủ đề là?

A. Kỉ niệm sâu sắc về tuổi học trò của tác giả.

B. Ý nghĩa và vai trò to lớn của nhà trường đối với cuộc đời mỗi con người.

C. Dòng cảm nghĩ thiết tha, sâu lắng của tác giả khi nhớ lại ngày đầu tiên đi học.

D. Tâm trạng hồi hộp của nhân vật trong buổi tựu trường đầu tiên.

10. Tính thống nhất về chủ đề của đoạn trích trên thể hiện ở?

A. Mỗi câu trong đoạn trích cùng nói đến một đối tượng : Tâm trạng e sợ, bối rối khi phải rời bàn tay mẹ để xếp hàng vào lớp của các cậu học sinh lần đầu đến trường học.

B. Đoạn trích có kết cấu chặt chẽ, tâm trạng được kể theo trình tự thời gian hợp lí.

C. Cả hai ý trên (A – B) đều đúng.

PHẦN II: TỰ LUẬN

1. Hai văn bản: *"Cổng trường mở ra"* của Lí Lan và *"Tôi đi học"* của Thanh Tịnh khiến em có suy nghĩ gì về **ý nghĩa của buổi tựu trường đầu tiên đối với mỗi người.**

(Viết một đoạn văn từ 10 – 12 câu, đảm bảo tính thống nhất về chủ đề, xác định chủ đề của đoạn văn) (3 điểm)

2. Tập làm văn. (5 điểm)

Hãy phân tích tâm trạng hồi hộp, cảm giác bỡ ngỡ của nhân vật *"tôi"* trong buổi tựu trường đầu tiên qua truyện ngắn *"Tôi đi học"* của Thanh Tịnh.

ĐỀ SỐ 2

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM. (3 điểm)

Đọc kĩ đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi ở dưới bằng cách khoanh tròn chữ cái đầu câu trả lời đúng nhất.

"Vì tôi biết rõ, nhắc đến mẹ tôi, cô tôi chỉ có ý gieo rắc vào đầu óc tôi những hoài nghi để tôi khinh miệt và ruồng rẫy mẹ tôi, một người đàn bà đã bị cái tội là góa chồng, nợ nần cùng túng quá phải bỏ con cái đi tha hương cầu thực. Nhưng đời

nào lòng thương yêu và kính mến mẹ tôi lại bị những rắp tâm tanh bẩn xâm phạm đến."

(*Trong lòng mẹ* – Trích *Những ngày thơ ấu* – Nguyên Hồng)

1. Đoạn văn trên thể hiện bé Hồng là người như thế nào?

A. Rất dễ bị tổn thương.

B. Rất giàu tình cảm nhưng cũng giàu tinh thần đấu tranh.

C. Rất khôn ngoan, nhạy cảm.

2. Nhận xét nào sau đây nói đúng về nhà văn Nguyên Hồng.

A. Nhà văn của phụ nữ và trẻ em.

B. Nhà văn của những con người bị áp bức.

C. Nhà văn của trí thức nghèo.

D. Nhà văn của những người nông dân nghèo khổ cực.

3. Câu nào khái quát nội dung chính của đoạn văn?

A. Phản ứng tâm lí của chú bé khi nghe những lời giả dối, thâm độc, xúc phạm đến mẹ chú.

B. Cảm giác sung sướng cực điểm khi chú được ở trong lòng mẹ.

C. Cảm giác cay đắng, tủi cực của tuổi thơ bất hạnh.

D. Tình yêu thương mẹ của bé Hồng

4. Đoạn văn trên sử dụng phương thức biểu đạt nào là chính?

A. Tự sự B. Biểu cảm

C. Tự sự kết hợp biểu cảm D. Miêu tả kết hợp biểu cảm.

5. Trong câu: "Vì tôi biết rõ, nhắc đến mẹ tôi, cô tôi chỉ có ý gieo rắc vào đầu óc tôi những **hoài nghi** để tôi **khinh miệt** và ruồng rẫy mẹ tôi, một người đàn bà đã bị cái tội là góa chồng, nợ nần cùng túng quá..."

Các từ in đậm trên thuộc trường từ vựng nào?

A. Trạng thái tình cảm con người B. Suy nghĩ của con người

C. Hoạt động của con người D. Tính cách của con người

6. Nối các từ ở cột (1) với các từ ở cột (2) sao cho đúng trường từ vựng

(1) Các từ	(2) Trường từ vựng
a. Hoài nghi	A. Tình cảm của con người
b. Khinh miệt	B. Suy nghĩ của con người
c. Tình yêu thương	
d. Lòng kính mến	

7. Các ý trong đoạn văn trên được sắp xếp theo trình tự nào ?

A. Thời gian B. Không gian

C. Sự phát triển của sự việc D. Cả A – B – C đều sai

8. Điền tiếp vào các phần để trống trong các câu sau

A. Bố cục của văn bản là ....

B. Phần mở bài có nhiệm vụ ....

C. Phần thân bài thường có ....

D. Phần kết bài ....

PHẦN II: TỰ LUẬN

Câu 1. (2 điểm)

Phát biểu cảm nhận của em về đoạn văn diễn tả niềm vui sướng khi gặp lại mẹ, được nằm trong lòng mẹ của chú bé Hồng (*Trong lòng mẹ* – Nguyên Hồng)

(Viết đoạn văn 8 – 10 câu, chú ý sử dụng từ ngữ thuộc trường từ vựng chỉ tình cảm của con người).

Câu 2. (5 điểm) Tập làm văn

Phân tích diễn biến tâm trạng chú bé Hồng qua cuộc đối thoại với người cô trong đoạn trích *trong lòng mẹ* của Nguyên Hồng.

ĐỀ SỐ 3

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM. (2,5 điểm, mỗi câu trả lời đúng 0,5 điểm)

Đọc kĩ đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi bên dưới

" Người nhà lí trưởng sấn sổ bước đến giơ gậy chực đánh chị Dậu. Nhanh như cắt, chị Dậu nắm ngay được gậy của hắn. Hai người dằng co nhau, du đẩy nhau, rồi ai nấy đều buông gậy ra, áp vào vật nhau. Hai đứa trẻ con kêu khóc om sòm. Kết cục, anh chàng "hầu cận ông lí" yếu hơn chị chàng con mọn, bị chị này túm tóc lẳng cho một cái, ngã nhào ra thềm.

Anh Dậu sợ quá muốn dậy can vợ, nhưng mệt lắm, ngồi lên lại nằm xuống vừa run vừa kêu:

– U nó không được thế! Người ta đánh mình không sao, mình đánh người ta thì mình phải tù, phải tội.

Chị Dậu vẫn chưa nguôi cơn giận:

– Thà ngồi tù. Để cho chúng nó làm tình làm tội mãi thế, tôi không chịu được..."

(Trích *Ngữ văn 8*, tập một)

1. Trong đoạn trích, chị Dậu hiện lên là người như thế nào?

A. Căm thù bọn tay sai của thực dân phong kiến.

B. Giàu tình yêu thương đối với chồng con.

C. Có thái độ phản kháng mạnh mẽ đối với bọn tay sai.

D. Cả A, B, C đều đúng.

2. Ý nào sau đây không nói lên nguyên nhân tạo nên sức mạnh phản kháng của chị Dậu trong đoạn trích trên?

A. Lòng căm hờn bọn tay sai vô độ.

B. Muốn ra oai với người nhà lí trưởng.

C. Tình thương yêu chồng con vô bờ bến.

D. Ý thức được sự "cùng đường" của mình.

3. Em hiểu từ "hầu cận" trong câu: *Kết cục, anh chàng "hầu cận ông lí" yếu hơn chị chàng con mọn, hắn bị chị này túm tóc....*

A. Viên chỉ huy một tốp lính B. Kẻ hầu hạ gần gũi, thân cận

C. Người làm ruộng D. Người khoẻ mạnh, to béo

4. Theo em, vì sao chị Dậu được gọi là điển hình về người nông dân Việt Nam trước Cách mạng tháng Tám?

A. Vì chị Dậu là người phụ nữ nông dân mạnh mẽ nhất từ trước đến nay.

B. Vì chị Dậu là người phụ nữ nông dân luôn nhịn nhục trước sự áp bức của bọn thực dân phong kiến.

C. Vì chị Dậu là người nông dân khổ nhất từ trước đến nay.

D. Vì chị Dậu là người phụ nữ nông dân phải chịu nhiều cực khổ nhưng vẫn giữ được những phẩm chất vô cùng cao đẹp.

5. Do đâu chị Dậu có sức mạnh đánh ngã hai tên nha dịch?

A. Do thương chồng, muốn bảo vệ chồng.

B. Do chị có sức khỏe tốt

C. Do lòng căm hờn, uất hận bị dồn nén đến mức không chịu đựng được nữa.

D. Cả ba lí do trên

6. Câu trả lời của chị Dậu khi nghe anh Dậu khuyên can: "Thà ngồi tù. Để cho chúng làm tình làm tội mãi thế, tôi không chịu được" nói lên thái độ gì của chị Dậu?

A. Thái độ không chịu khuất phục B. Thái độ kiêu căng

C. Thái độ bất cần D. Cả 3 phương án A, B, C đều đúng

Đoạn 2: Đọc kĩ đoạn văn sau và trả lời câu hỏi bên dưới.

"Người ta nói "đấy là bàn chân vất vả." Những ngón chân của bố khum khum, lúc nào cũng như bám vào đất để khỏi trơn ngã. Gan bàn chân bao giờ cũng xám xịt và lỗ rỗ, bao giờ cũng khuyết một miếng, không đầy đặn như gan

bàn chân người khác. Mu bàn chân mốc trắng, bong da từng bãi, lại có nốt lấm tấm. Đêm nào bố cũng ngâm nước nóng hòa muối, gãi lấy gãi để rồi xỏ vào đôi guốc mộc. Khi ngủ bố rên rên vì đau mình, nhưng cũng rên vì nhức chân"

(Trích từ *Ngữ văn 7*, tập một)

7. Câu chủ đề của đoạn văn trên là gì?

A. Khi ngủ bố rên, rên vì đau mình, nhưng cũng rên vì nhức chân

B. Người ta nói "đấy là bàn chân vất vả"

C. Đêm nào bố cũng ngâm chân nước nóng hòa muối, gãi lấy gãi để rồi xỏ chân vào đôi guốc mộc

D. Không có câu chủ đề.

8. Các câu của đoạn văn trên liên kết với nhau theo phép nào?

A. Diễn dịch B. Qui nạp

C. Song hành D. Không theo phép liên kết nào.

9. Những từ ngữ nào thể hiện chủ đề của đoạn văn.

A. Rên, đau

B. Bàn chân, nhức chân, mu bàn chân

C. Mốc, bong, lấm tấm

D. Khum khum, xám xịt gan bàn chân, ngón chân

10. Câu chủ đề có thể đưa xuống vị trí câu thứ 2 thứ 3 được. Đúng hay sai?

A. Đúng B. Sai

PHẦN II: TỰ LUẬN (2,5 điểm)

1. Trong đoạn trích: "Tức nước vỡ bờ", tác giả tập trung miêu tả những chi tiết nào về tên cai lệ? Vì sao nói cai lệ xuất hiện như một công cụ của một xã hội bất nhân? (Viết trong một đoạn văn 8 – 10 câu, theo lối diễn dịch)

2. Tập làm văn. (5 điểm)

Nhà văn Nguyễn Tuân có nhận xét:

"Trên cái tối giời đất của đồng lúa ngày xưa, hiện lên một cái chân dung lạc quan của chị Dậu".

Em hãy phân tích nhân vật chị Dậu trong đoạn trích "Tức nước vỡ bờ" trích từ tác phẩm "Tắt đèn" của Ngô Tất Tố để làm rõ nhận xét của nhà văn Nguyễn Tuân.

ĐỀ SỐ 4

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM

Đọc các đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi ở dưới bằng cách lựa chọn đáp án đúng nhất.

Đoạn 1: "Chao ôi! Đối với những người ở quanh ta. Nếu ta không cố tìm mà hiểu họ, thì ta chỉ thấy họ gàn dở, ngu ngốc, bần tiện, xấu xa, bỉ ổi...toàn những cớ để cho ta tàn nhẫn, không bao giờ ta thấy họ là những người đáng thương, không bao giờ ta thương..."

(Trích *Ngữ văn 8*, tập một)

1. Câu văn: "...thì ta chỉ thấy họ gàn dở, ngu ngốc, bần tiện xấu xa, bỉ ổi..." sử dụng phép tu từ nào?

A. Liệt kê B. So sánh C. Ẩn dụ D. Nhân hóa

2. Các từ in đậm trong đoạn văn trên được xếp vào trường từ vựng nào?

A. Năng lực B. Tính cách C. Trí tuệ D. Tình cảm

3. Đoạn văn trên sử dụng phương thức biểu đạt nào?

A. Miêu tả + tự sự B. Tự sự

C. Biểu cảm D. Tự sự + nghị luận

4. Nhân vật ông giáo trong đoạn văn trên là một người như thế nào:

A. Là một người tin cậy của lão Hạc

B. Là một người biết chia sẻ, đồng cảm với nỗi khổ của lão Hạc

C. Là người có cách nhìn mới về người nông dân.

D. Cả 3 ý kiến trên đều đúng.

Đoạn 2: Tôi ở nhà Binh Tư về được một lúc lâu thì thấy những tiếng nhốn nháo ở bên nhà lão Hạc. Tôi mải mốt chạy sang. Mấy người hàng xóm đến trước tôi đang xôn xao ở trong nhà. Tôi xồng xộc chạy vào. Lão Hạc đang vật vã ở trên giường, đầu tóc rũ rượi, quần áo xộc xệch, hai mắt long sòng sọc. Lão tru tréo, bọt mép sùi ra, khắp người chốc chốc lại bị giật mạnh một cái, nảy lên. Hai người đàn ông lực lưỡng phải ngồi đè lên người lão. Lão vật vã đến hai giờ đồng hồ rồi mới chết. Cái chết thật là dữ dội. Chẳng ai hiểu lão chết vì bệnh gì mà đau đớn và bất thình lình như vậy. Chỉ có tôi với Binh Tư hiểu.

(Trích Trích *Ngữ văn 8*, tập một)

5. Vì sao lão Hạc phải lựa chọn cái chết.

A. Lão ân hận vì trót lừa cậu Vàng

B. Vì lão rất thương con

C. Vì lão không muốn làm liên luỵ đến mọi người

D. Cả 3 ý kiến trên đều đúng.

6. Nhận xét nào đúng nhất về ý nghĩa cái chết của lão Hạc.

A. Thể hiện tính tự trọng, quyết tâm không rơi vào con đường tha hóa của người nông dân.

B. Là vẻ đẹp của tình phụ tử mộc mạc nhưng vô cùng cao quí.

C. Tố cáo xã hội thực dân phong kiến đẩy người nông dân vào hoàn cảnh khốn cùng.

D. Cả 3 ý kiến trên đều đúng.

7. Từ nào là từ tượng thanh?

A. Vật vã B. Xôn xao C. Mải mốt D. Rũ rượi

8. Các từ tượng hình, tượng thanh trong đoạn văn có tác dụng gì?

A. Gợi hình ảnh, dáng vẻ của sự vật.

B. Gợi được hình ảnh, âm thanh cụ thể của sự vật

C. Có tính biểu cảm cao

D. Bao gồm cả B và C

9. Các phương tiện nào dùng để liên kết đoạn văn trong văn bản?

A. Dùng từ nối và bố cục B. Dùng cụm từ nối và bố cục

C. Dùng câu nối và dấu câu D. Dùng lí lẽ.

10. Ý kiến nào sau đây đúng nhất về phương tiện liên kết các đoạn văn trong văn bản?

A. Phương tiện liên kết đoạn văn trong văn bản có thể là từ, cụm từ, có thể là câu văn nối, đoạn văn nối.

B. Cần dùng các phương tiện liên kết để đoạn văn được truyền cảm.

C. Thực ra, không cần các phương tiện liên kết.

D. Cả 3 ý trên đều sai.

PHẦN II: TỰ LUẬN. (7,5 điểm)

1. Nỗi khốn cùng của lão Hạc được miêu tả theo trình tự nào? Tại sao lão lại chọn cái chết bi thảm là ăn bả chó?

2. Tình bạn là một đề tài phong phú trong cuộc sống. Hãy nói một điều sâu sắc nhất về đề tài này bằng một câu chuyện. (5 điểm)

ĐỀ SỐ 5

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM. (2 điểm, mỗi câu trả lời đúng được 0,2 điểm)

Đọc đoạn thơ sau và trả lời 5 câu hỏi ở dưới bằng cách khoanh tròn vào ý đúng nhất:

" Khi con tu hú gọi bầy
Lúa chiêm đương chín trái cây ngọt dần
Vườn râm dậy tiếng ve ngân
Bắp ray vàng hạt đầy sân nắng đào."

(*Khi con tu hú* – Tố Hữu)

1. Trong đoạn thơ trên, từ nào là từ địa phương?

A. Tu hú B. Bắp C. Lúa chiêm D. Nắng.

2. Từ ngữ địa phương là loại từ?

A. Từ được toàn dân sử dụng

B. Từ được dùng trong một tầng lớp xã hội nhất định

C. Từ ngữ chỉ được sử dụng ở một (hoặc một số) địa phương nhất định.

3. Trong khổ thơ trên có biệt ngữ xã hội không?

A. Có B. Không

4. Biệt ngữ xã hội là loại từ như thế nào?

A. Là từ ngữ chỉ được dùng trong một tầng lớp xã hội nhất định.

B. Là từ ngữ được sử dụng trọng tất cả các tầng lớp nhân dân

C. Là từ ngữ được sử dụng ở một địa phương nhất định

D. Là từ ngữ được sử dụng trong nhiều tầng lớp xã hội.

5. Khi sử dụng từ ngữ địa phương và biệt ngữ xã hội cần chú ý điều gì?

A. Nghề nghiệp của người nói B. Địa vị của người nói trong xã hội

C. Tiếng nói địa phương D. Tình huống giao tiếp.

6. Mục đích của việc tóm tắt văn bản tự sự là gì?

A. Phân tích rõ nội dung, ý nghĩa của văn bản cho người đọc hiểu rõ văn bản đó.

B. Kể lại một cách sáng tạo câu chuyện trong văn bản nào đó nhằm hấp dẫn người chưa đọc văn bản đó.

C. Ghi lại một cách đầy đủ, chính xác toàn bộ nội dung của một văn bản nào đó để người chưa đọc nắm được văn bản ấy.

D. Ghi lại một cách chính xác, ngắn gọn nội dung chính của một văn bản nào đó để người chưa đọc nắm được văn bản ấy.

7. Muốn tóm tắt một văn bản tự sự, chúng ta cần phải làm gì ?

A. Đọc kĩ để hiểu đúng chủ đề của văn bản

B. Xác định nội dung chính cần tóm tắt

C. Sắp xếp các nội dung ấy theo một trình tự hợp lí, sau đó viết thành văn bản tóm tắt.

D. Lần lượt cả 3 ý A, B, C

8. Văn bản "Tôi đi học" của Thanh Tịnh và "Cổng trường mở ra" của lí Lan rất khó tóm tắt. Vì sao?

A. Vì hai văn bản thiên về kể cảm xúc, tâm trạng, ít kể sự việc, hành động.

B. Vì hai văn bản thiếu lôgic, mạch lạc

C. Vì hai văn bản có nội dung phức tạp.

D. Vì hai văn bản đó rất dài, nhiều nhân vật.

9. Trong các văn bản đã học sau, văn bản nào không thể tóm tắt theo cách tóm tắt một văn bản tự sự.

A. Lão Hạc | B. Trong lòng mẹ

C. Ý nghĩa văn chương | D. Cây bút thần.

10. Văn bản tóm tắt cần đảm bảo các yêu cầu nào sau đây?

A. Đáp ứng đúng mục đích và yêu cầu tóm tắt

B. Phản ánh trung thành nội dung của văn bản chính

C. Phải có tính hoàn chỉnh và cân đối.

D. Bao gồm cả A, B, C

PHẦN II: TỰ LUẬN

1. Cho những câu thơ sau:

Khi trời trong, gió nhẹ, sớm mai hồng
Dân trai tráng bơi thuyền đi đánh cá.
....
Ngày hôm sau, ồn ào trên bến đỗ
Khắp dân làng tấp nập đón ghe về.

(Tế Hanh)

a. Tìm từ ngữ toàn dân và từ ngữ địa phương tương ứng trong các câu thơ trên? (0,5 điểm)

b. Phân tích lí do dùng các từ đó của tác giả? (1,5 điểm)

2. Tóm tắt tác phẩm lão Hạc (2 điểm)

3. Phân tích nhân vật Lão Hạc trong tác phẩm cùng tên của Nam Cao (4 điểm)

ĐỀ SỐ 6

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM: (2,5 điểm)

Đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi bằng cách chọn ý đúng nhất.

Đoạn văn:

"Chà! Giá quẹt một que diêm mà sưởi ấm cho đỡ rét một chút nhỉ? Giá em có thể rút một que diêm ra quẹt vào tường mà mơ hồ ngón tay nhỉ? Cuối cùng em đánh liều quẹt một que. Diêm bén lửa thật là nhạy. Ngọn lửa lúc đầu xanh lam, dần dần biến đi, trắng ra, rực hồng lên quanh que gỗ, sáng chói cho đến vui mắt. Em hơ tay trên que diêm sáng rực...như than hồng. Chà ánh sáng kì dị làm sao! Em tưởng chừng như đang ngồi trước một lò sưởi bằng sắt có những hình nổi bằng đồng bóng nhoáng. Trong lò, lửa cháy nom đến vui mắt và tỏa ra hơi nóng dịu dàng.

Thật là dễ chịu! Đôi bàn tay em hơ trên ngọn lửa, bên tay cầm diêm, ngón cái nóng bỏng lên....

Em vừa duỗi chân ra...sưởi thì lửa vụt tắt, lò sưởi biết mất. Em ngồi đó, tay cầm que diêm đã tắt hẳn. Em bần thần cả người và chợt nghĩ ra rằng cha em đã giao cho em đi bán diêm. Đêm nay về nhà thế nào cũng bị cha mắng."

(Trích: *Em bé bán diêm* – Trích *Ngữ văn 8*, tập một)

1. Mộng tưởng nào hiện lên sau lần quẹt diêm ở đoạn văn trên của cô bé bán diêm?

A. Ngôi nhà xinh xắn

B. Lò sưởi bằng sắt có những hình đồng nổi bóng nhoáng

C. Cây thông Nô-el được trang trí lộng lẫy

D. Bàn ăn thịnh soạn.

2. Mộng tưởng đó mất đi khi nào?

A. Khi các que diêm tắt. | B. Khi trời sắp sáng

C. Khi bà nội em hiện ra | D. Khi em bé lo sợ cha mắng.

3. Nội dung của đoạn trích trên là gì?

A. Kể lại số phận bất hạnh của một em bé nghèo đi bán diêm trong đêm no-el lạnh giá, em đã chết vì sự lạnh lẽo.

B. Thể hiện niềm thương cảm của nhà văn đối với em bé nghèo khổ.

C. Gián tiếp nói về một xã hội nơi em bé sống là một xã hội không có tình người

D. Kể về lần quẹt diêm thứ nhất và niềm hạnh phúc ngắn ngủi của em khi 1 que diêm cháy sáng.

E. Cả 4 ý trên (A, B, C, D) đều đúng.

4. Mỗi lần em bé quẹt diêm là em lại tưởng tượng ra một điều kì diệu có thể xóa đi những đau khổ của em, hãy nối các lần quẹt diêm với điều kì diệu tương ứng:

A. Lần 1 — a) Ngỗng quay

B. Lần 2 — b) Cây thông Nô-el và bà

C. Lần 3 — c) Hai bà cháu cầm tay nhau bay lên trời

D. Lần 4 — d) Lò sưởi

5. Qua đoạn trích trên, tác giả muốn phê phán điều gì?

A. Xã hội Đan Mạch (Thời An –dec–xen sống) là một xã hội thiếu tình thương.

B. Sự thờ ơ, lạnh lùng của con người đối với con người.

C. Cả 2 ý (A, B) đều đúng.

6. Sự thông cảm, tình yêu thương của nhà văn dành cho cô bé bán diêm được thể hiện thông qua những việc miêu tả nào?

A. Miêu tả các mộng tưởng ở mỗi lần quẹt diêm

B. Miêu tả cảnh hai bà cháu cùng nhau bay về trời

C. Miêu tả thi thể em bé với đôi má hồng và đôi môi đang mỉm cười.

D. Cả 3 nội dung (A, B, C) đều đúng.

7. Trong những từ sau, từ nào là thán từ?

A. Chà — B. Ngay — C. Chính — D. Có lẽ.

8. Trong các từ sau, từ nào là trợ từ?

A. Vâng — B. Dạ — C. Những — D. Ơi

9. Trong đoạn trích trên, yếu tố tự sự và miêu tả có vai trò và ý nghĩa như thế nào đối với sự việc được kể?

A. Làm cho sự việc được kể ngắn gọn hơn

B. Làm cho sự việc được kể sinh động và hiện lên như thật.

C. Làm cho sự việc được kể đơn giản hơn.

D. Làm cho sự việc được kể đầy đủ hơn

10. Trong văn tự sự, yếu tố biểu cảm có vai trò gì?

A. Giúp người viết thể hiện được thái độ của mình với sự việc được kể.

B. Giúp người viết hiểu một cách sâu sắc về sự việc được kể

C. Giúp người viết hiểu một cách toàn diện về sự việc được kể.

D. Giúp sự việc được kể hiện lên sinh động, phong phú.

PHẦN II: TỰ LUẬN

1. Viết 1 đoạn văn ngắn kể lại giây phút đầu tiên em gặp lại người thân sau một thời gian xa cách. (Đoạn văn khoảng 5 – 7 câu, chú ý sử dụng các yếu tố miêu tả và biểu cảm) (2,5 điểm)

2. Tập làm văn. (5 điểm)

Hãy kể lại giấc mơ thứ tư của em bé trong truyện *"Cô bé bán diêm"*, từ đó nêu ý nghĩa của giấc mơ và cảm nghĩ của em.

ĐỀ SỐ 7

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM: (2,5 điểm, mỗi câu đúng 0,25 điểm, câu 9: 0,5 điểm. Trả lời các câu hỏi sau bằng cách chọn ý em cho là đúng nhất.)

"Nói rồi. Đôn-ki-hô-tê thúc con ngựa Rô–xi–nan–tê xông lên, chẳng thèm để ý đến giám mã Xan–chô đang hét bảo là rõ ràng lão đang xông vào đánh nhau với cối xay gió chứ không phải là bọn khổng lồ nên Đôn–ki–hô–tê chẳng những không nghe lời can của giám mã Xan-chô mà khi đã tới gần cũng không nhận ra đó những chiếc cối xay, đã thế, lão còn thét lớn: "chớ có chạy trốn, lũ hèn mạt nhát gan kia, bởi duy nhất chỉ có một hiệp sĩ tấn công bọn mi đây". Vừa lúc đó nổi lên một làn gió nhẹ và các cánh quạt lớn của những chiếc cối xay gió bắt đầu chuyển động; thấy thế, Đôn–ki–hô–tê liền nói: "Dù cho bọn ngươi có vung nhiều cánh tay hơn cả gã khổng lồ Bri–a–rê–ô, các ngươi cũng sắp phải đền tội". Nói xong, lão nhiệt thành tâm niệm cầu mong nàng Đuyn–xi–nê–a của mình cứu giúp cho trong lúc nguy nan này, rồi lấy khiêng che kín thân, tay lăm lăm ngọn giáo, lão thúc con Rô–xi–nan–tê phi thẳng tới chiếc cối xay gió gần nhất ở trước mặt, và đâm mũi giáo vào cánh quạt; gió làm cánh quạt quay tít khiến ngọn giáo gãy tan tành, kéo theo cả ngựa và người ngã văng ra xa"

(Trích *Ngữ văn 8*, tập một)

1. Lão Đôn–ki–hô–tê nhìn những chiếc cối xay gió thành những người nào:

A. Gã khổng lồ Bri–a–rê–ô — C. Ba chục tên khổng lồ ghê gớm

B. Những người lái buôn — D. Lão pháp sư Phơ–re–xtôn .

2. Ý nào không nói lên mục đích của cuộc giao chiến giữa Đôn–ki–ho–tê với những chiếc cối xay gió.

A. Để thử sức mạnh của mình

B. Quét sạch cái giống xấu xa này khỏi mặt đất.

C. Đánh bại kẻ thù và trở nên vinh quang.

D. Thu được chiến lợi phẩm và trở nên giàu có.

3. Đôn–ki–ho–tê bị thua khi nào?

A. Sau khi đánh được nhiều chiếc cối xay gió.

B. Ngay khi phi thẳng vào chiếc cối xay gió gần nhất.

C. Khi đánh nhau với chiếc cối xay gió cuối cùng.

D. Khi đánh nhau với chiếc cối xay gió to nhất.

4. Đoạn trích trên được kể bằng lời của ai?

A. Đôn–ki–ho–tê B. Xan–trô pan–xa

C. Xéc–van–téc D. Các nhân vật khác.

5. Sự việc nào không được nhắc đến trong đoạn trích trên?

A. Việc nhìn thấy và nhận định về những cối xay gió của Đôn–ki–ho–tê và Xan–trô pan–xa.

B. Thái độ và hành động của Đôn ki hô tê trước cối xay gió.

C. Đôn ki hô tê bị ngã ngựa, giáo gãy tan tành.

D. Đôn–ki–hô–tê băn khoăn và hỏi ý kiến Xan–trô pan–xa xem có nên đánh những chiếc cối xay gió hay không.

6. Nguyên nhân nào dẫn đến thất bại của Đôn–ki–hô–tê khi đánh nhau với cối xay gió?

A. Vì lão không lường trước được sức mạnh của kẻ thù.

B. Vì đầu óc lão mê muội, không tỉnh táo.

C. Vì những chiếc cối xay gió được phù phép.

D. Vì lão không có đủ vũ khí lợi hại.

7. Nhận xét nào nói đầy đủ về tính cách của Đôn–ki–hô–tê được thể hiện trong đoạn trích.

A. Là người có nhiều điểm tốt đẹp

B. Là một người có những hành động nực cười

C. Là người hết sức điên rồ cả trong ước muốn và hành động.

D. Gồm A và B

8. Đoạn văn trên được viết theo sự kết hợp của phương thức biểu đạt nào?

A. Biểu cảm + nghị luận C. Miêu tả + biểu cảm + nghị luận

B. Nghị luận + miêu tả D. Tự sự + miêu tả

9. Khi sử dụng tình thái trí, cần chú ý điều gì?

A. Tính địa phương B. Phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp

C. Không được sử dụng biệt ngữ D. Phải có sự kết hợp với các trợ từ.

PHẦN II: TỰ LUẬN.

1. Em nhận được một món quà bất ngờ nhân ngày sinh nhật của mình. Em hãy kể lại sự việc trên bằng một đoạn văn tự sự có sử dụng yếu tố miêu tả và biểu cảm. (2,5 điểm)

2. a. Hãy kể về một buổi tối thứ bảy ở gia đình em. (5 điểm)

(Sử dụng yếu tố miêu tả và biểu cảm hợp lí)

b. Phân tích và nêu cảm nghĩ về cảnh "Đánh nhau với cối xay gió" trong tác phẩm "Đôn–ki–hô–tê" của nhà văn Xéc–van–te . (5 điểm)

(Chọn 1 trong 2 đề trên)

ĐỀ SỐ 8

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM: (2 điểm, mỗi câu trả lời đúng 0,25 điểm)

Đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi bằng cách chọn ý em cho là đúng nhất:

"Kéo nó lên, em muốn nhìn". Cô thều thào ra lệnh.

Xiu làm theo một cách chán nản.

Nhưng, ô kìa! Sau trận mưa vùi dập và những cơn gió phũ phàng kéo dài suốt cả một đêm, tưởng chừng như không bao giờ dứt, vẫn còn một chiếc lá thường xuân bám trên chiếc tường gạch. Đó là chiếc lá cuối cùng trên cây. Ở gần cuống lá còn giữ màu xanh sẫm, nhưng với rìa lá hình răng cưa đã nhuốm màu vàng úa, chiếc lá vẫn dũng cảm treo bám vào cành cách mặt đất chừng hai mươi bộ

"Đó là chiếc lá cuối cùng". Giôn–xi nói: "Em cứ tưởng là nhất định trong đêm vừa qua nó đã rụng. Em nghe thấy gió thổi. Hôm nay nó sẽ rụng thôi và cũng lúc đó thì em sẽ chết.

......Ngày hôm đó trôi qua và ngay cả trong ánh hoàng hôn...

......Khi trời vừa hửng sáng thì Giôn–xi, con người tàn nhẫn, lại ra lệnh kéo mành lên.

Chiếc lá thường xuân vẫn còn đó.

(Trích *Ngữ văn 8*, tập một)

1. Từ nào nói đúng nhất cảm xúc và tâm trạng nhân vật được thể hiện trong câu văn: "Nhưng, ô kìa!"

A. Nghi ngờ B. Lo lắng C. Sợ hãi D. Ngạc nhiên

2. Giôn–xi có suy nghĩ gì khi lần thứ nhất cô nhìn thấy "Chiếc lá cuối cùng" còn bám trên tường?

A. Chiếc lá thật mỏng manh sẽ không thể chống đỡ được trong mưa gió, cũng như cô thật yếu ớt, không chống đỡ được bệnh tật.

B. Cuộc sống không có gì tốt đẹp, tất cả sẽ kết thúc giống như cô, bằng cái chết và cả chiếc lá thường xuân sẽ rụng kia nữa.

C. Cả 2 ý trên đúng.

3. Giôn–xi có tâm trạng như thế nào khi qua một ngày đêm mưa gió rét mướt, cô vẫn nhìn thấy chiếc lá cuối cùng bám trên tường.

A. Cô thấy tin vào cuộc sống nên đã vui vẻ trở lại

B. So sánh với chiếc lá, cô thấy xấu hổ vì thái độ hèn nhát đầu hàng bệnh tật của mình.

C. Cả hai tâm trạng trên.

4. Theo em, Giôn–xi đã cảm nhận được gì từ "*Chiếc lá cuối cùng*" vẫn còn đó?

A. Sức sống mãnh liệt trong chiếc lá nhỏ nhoi

B. Thái độ hèn nhát, đầu hàng

C. Không có cảm nhận gì.

5. Đọc "*Chiếc lá cuối cùng*", em hiểu được những điều sâu sắc nào?

A. Tình yêu thương cao cả giữa những con người nghèo khổ.

B. Nghệ thuật chân chính là nghệ thuật của tình yêu thương, vì sự sống của con người.

C. Bao gồm cả 2 ý trên.

6. Nét đặc sắc nhất về mặt nghệ thuật của truyện?

A. Miêu tả tâm lí nhân vật tinh tế và sâu sắc

B. Sử dụng nhiều phương thức biểu đạt khác nhau.

C. Đảo ngược tình huống truyện 2 lần.

D. Sử dụng nhiều biện pháp tu từ.

7. Ý chính của bài văn tự sự kết hợp với miêu tả và biểu cảm là gì?

A. Là những cảm xúc của người viết.

B. Chủ yếu là các sự việc chính

C. Là diễn biến nội tâm của nhân vật.

D. Là những suy nghĩ của các nhân vật.

8. Văn bản "Chiếc lá cuối cùng" sử dụng phương thức biểu đạt nào là chính?

A. Tự sự B. Miêu tả và biểu cảm

C. Tự sự và miêu tả D. Tự sự kết hợp miêu tả và biểu cảm.

PHẦN II: TỰ LUẬN

Câu 1. Suy nghĩ của em sau khi đọc xong truyện ngắn "Chiếc lá cuối cùng" của Ô.Henri. (3 điểm)

Câu 2. Tập làm văn.

Kể về một kỉ niệm đáng nhớ đối với một con vật nuôi mà em yêu thích. (Chú ý kết hợp miêu tả và biểu cảm).

ĐỀ SỐ 9

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM:

Đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi bên dưới bằng cách chọn ý đúng nhất.

"Trong làng tôi không thiếu gì các loại cây, nhưng hai cây phong này khác hẳn – chúng có tiếng nói riêng và hẳn phải có một tâm hồn riêng chan chứa những lời ca êm dịu. Dù ta tới đây vào lúc nào, ban ngày hay ban đêm, chúng cũng vẫn nghiêng ngả thân cây, lay động lá cành không ngớt tiếng rì rào theo nhiều cung bậc khác nhau. Có khi tưởng chừng như một làn sóng thủy triều dâng lên vỗ vào bãi cát, có khi lại nghe như một tiếng thì thầm thiết tha nồng thắm truyền qua lá cành như một đốm lửa vô hình, có khi hai cây phong bỗng im bặt một thoáng, rồi khắp lá cành lại cất tiếng thở dài một lượt như thương tiếc người nào. Và khi mây đen kéo đến cùng với bão dông, xô gãy cành, tỉa trụi lá, hai cây phong nghiêng ngả tấm thân dẻo dai và reo vù vù như một ngọn lửa bốc cháy rừng rực."

(Trích *Ngữ văn 8*, tập một)

1. Phương thức biểu đạt nào được sử dụng trong đoạn trích này?

A. Miêu tả B. Tự sự

C. Miêu tả – biểu cảm D. Tự sự kết hợp miêu tả và biểu cảm.

2. Có gì đặc sắc trong cách miêu tả hai cây phong ở đoạn văn này?

A. Miêu tả đặc điểm hai cây phong

B. Kết hợp các hình ảnh so sánh và miêu tả đặc điểm hai cây phong.

C. Miêu tả hình dáng đơn thuần của hai cây phong

D. Miêu tả tâm hồn của hai cây phong.

3. Trong đoạn văn trên, tác giả đã kết hợp những biện pháp tu từ nào để miêu tả 2 cây phong.?

A. Nhân hóa, liệt kê, so sánh B. Nói quá, nhân hóa, so sánh

C. Liệt kê, ẩn dụ, hoán dụ D. So sánh, nhân hóa, ẩn dụ.

4. Em hình dung như thế nào về hai cây phong trong đoạn trích?

A. Là tín hiệu của làng

B. Gắn bó, thân thuộc, gần gũi với con người.

C. Có sự sống riêng

D. Nơi hội tụ miềm vui tuổi thơ, mở rộng chân trời hiểu biết, ghi khắc biến cố của làng.

5. Qua miêu tả của tác giả, hai cây phong hiện lên như một con người. Người đọc có thể liên tưởng: Hai cây phong với người như thế nào?

A. Là cô gái đang độ thanh xuân, vừa dẻo dai, mạnh mẽ, vừa dịu dàng, bí ẩn.

B. Là một trang thiếu niên đang độ phát triển, vừa sôi nổi yêu đời, vừa hồn nhiên, khoẻ mạnh.

C. Là cụ già vừa trầm mặc uy nghiêm, vừa khoan dung, nhân hậu.

6. Trong đoạn văn trên, hai cây phong được tác giả miêu tả ở những khía cạnh nào?

A. Hình dáng của cây
C. Âm thanh của lá, cành khi lay động
B. Màu sắc của lá
D. Cả 3 khía cạnh trên đều được miêu tả.

7. Tại sao tác giả lại miêu tả hai cây phong ở khía cạnh ấy?

A. Bởi tác giả muốn thể hiện "tâm hồn riêng" của cây.

B. Bởi đó là đặc trưng nổi bật của hai cây phong.

C. Bởi đó là điều để lại dấu ấn sâu sắc trong lòng tác giả.

8. Trong các câu sau, câu nào sử dụng phép nói quá ?

A. Hỡi cô tát nước bên đàng – Sao cô múc ánh trăng vàng đổ đi

B. Làm trai cho đáng nên trai
Khom lưng, uốn gối gánh hai hạt vừng.

C. Miệng cười như thể hoa ngâu – Cái khăn đội đầu như thể hoa sen

D. Chẳng tham nhà ngói ba tòa – Tham vì một nỗi mẹ cha hiền lành.

9. Tác dụng của nói quá là gì?

A. Để bộc lộ thái độ, cảm xúc của người nói.

B. Để cho người nghe thấm thía được vẻ đẹp hàm ẩn trong cách nói kín đáo, giàu cảm xúc.

C. Để nhấn mạnh, gây ấn tượng và tăng sức biểu cảm cho sự vật, hiện tượng được nói đến trong câu.

D. Để gợi ra hình ảnh chân thực, cụ thể về sự vật, hiện tượng được nói đến trong câu.

10. Cho ví dụ sau: Ngàn cân treo sợi tóc; gầy như que củi, long trời lở đất.
Các ví dụ trên được sử dụng biện pháp nghệ thuật nào?

A. Những câu thành ngữ sử dụng biện pháp nói quá.

B. Những câu thành ngữ sử dụng biện pháp so sánh.

C. Những câu thành ngữ sử dụng biện pháp nhân hóa

D. Những câu thành ngữ sử dụng biện pháp ẩn dụ.

PHẦN II: TỰ LUẬN

1. Viết đoạn văn từ 6 – 8 câu phát biểu cảm tưởng của em sau khi đọc xong văn bản: Hai cây phong. (2,5 điểm)

2. Tập làm văn.

Hãy kể về một việc em đã làm khiến bố mẹ em rất vui lòng. (5 điểm)

ĐỀ SỐ 10

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM: (2 điểm)

Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi bằng cách chọn ý em cho là đúng nhất.

"Theo các nhà khoa học, bao bì ni lông lẫn vào đất làm cản trở quá trình sinh trưởng của các loài thực vật bị nó bao quanh, cản trở sự phát triển của cỏ dẫn đến hiện tượng xói mòn ở các vùng đồi núi. Bao bì ni lông bị vứt xuống cống làm tắc các đường dẫn nước thải, làm tăng khả năng ngập lụt của các đô thị về mùa mưa. Sự tắc nghẽn hệ thống cống rãnh làm cho muỗi phát sinh, lây truyền dịch bệnh. Bao bì ni lông trôi ra biển làm chết các sinh vật khi chúng nuốt phải. Đặc biệt bao bì ni lông màu đựng thực phẩm làm ô nhiễm thực phẩm do chứa các kim loại như chì, ca–đi–mi gây tác hại cho não và là nguyên nhân gây ra ung thư phổi. Nguy hiểm nhất là khi các bao bì ni lông thải bỏ bị đốt, các khí độc thải ra đặc biệt là chất đi–ô–xin có thể gây ngộ độc, gây ngất, khó thở, nôn ra máu, ảnh hưởng đến tuyến nội tiết, giảm khả năng miễn dịch, gây rối loạn chức năng, gây ung thư và các dị tật bẩm sinh cho trẻ sơ sinh".

(Trích *Ngữ văn 8*, tập một)

1. Phương thức biểu đạt của đoạn văn trên là gì?

A. Thuyết minh
B. Nghị luận
C. Tự sự
D. Miêu tả

2. Vì sao em lại cho đó là phương thức biểu đạt em vừa chọn?

A. Vì văn bản này cung cấp những luận điểm về tác hại khi sử dụng bao ni lông.

B. Vì văn bản này đã cung cấp cho mọi người những căn cứ rõ ràng về tác hại của việc sử dụng bao bì ni lông.

C. Vì văn bản này đã kể một câu chuyện về tác hại của bao bì ni lông.

D. Vì văn bản này đã tái hiện lại những hình ảnh về tác hại của bao bì ni lông.

3. Những phương diện gây hại nào của bao bì ni lông được thuyết minh ở đoạn văn trên.

A. Lẫn vào đất làm cản trở quá trình sinh trưởng của các loài thực vật

B. Làm tắc các đường dẫn nước thải

C. Làm ô nhiễm thực phẩm.

D. Khí độc thải ra (khi đốt) gây ngộ độc, hại sức khỏe...

E. Tất cả các phương diện trên.

4. Phương pháp thuyết minh của đoạn văn này?

A. Liệt kê
B. Phân tích

C. Liệt kê kết hợp phân tích D. Không sử dụng phương pháp nào.

5. Tác dụng của cách thuyết minh này?

A. Mang tính khoa học

B. Mang tính thực tiễn

C. Sáng rõ, ngắn gọn, dễ hiểu

D. Vừa mang tính khoa học, vừa mang tính thực tiễn, sáng rõ, ngắn gọn nên dễ hiểu, dễ nhớ

Đọc hai câu thơ sau và trả lời các câu hỏi:

Bác Dương thôi đã thôi rồi
Nước mây man mác ngậm ngùi lòng ta.
(Nguyễn khuyến)

6. Từ ngữ nào được dùng theo lối nói giảm, nói tránh?

A. Ngậm ngùi B. Man mác C. Nước mây D. Thôi rồi.

7. Phải hiểu nghĩa đen của từ nói giảm, nói tránh đó như thế nào.

A. Đi xa rồi B. Chết rồi C. Chia tay rồi D. Buồn rồi

8. Tác dụng của phép nói giảm, nói tránh này?

A. Làm giảm sự đau đớn của Nguyễn Khuyến

B. Tỏ sự tôn kính với người đã chết.

C. Thể hiện sự đau đớn chân thành của Nguyễn Khuyến

PHẦN II: TỰ LUẬN.

1. Văn học: (3 điểm)

Viết 1 đoạn văn ngắn trình bày cảm nghĩ, ấn tượng của em về nhân vật lão Hạc trong văn bản lão Hạc (Nam Cao)

2. Hãy kể câu chuyện về con vật nuôi có nghĩa có tình. (5 điểm)

ĐỀ SỐ 11

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM: (2,5 điểm)

Trả lời các câu hỏi sau bằng cách chọn câu trả lời đúng nhất sau và khi đọc về đoạn văn sau:

"(1) Tôi lắng nghe tiếng hai cây phong rì rào, tim đập rộn ràng vì thảng thốt và vui sướng, rồi trong tiếng xào xạc không ngớt ấy, tôi cố hình dung ra những miền xa lạ kia (2). Thuở ấy, chỉ có một điều chưa hề nghĩ đến: ai là người đã trồng hai cây phong trên đồi này? (3) Người vô danh ấy đã ước mơ gì đã nói những gì khi

vùi hai gốc cây xuống đất, người ấy đã ấp ủ những niềm hi vọng gì khi vun xới chúng nơi đây, trên đỉnh đồi cao này.

(Ai–ma–tốp)

1. Trong đoạn văn trên, câu nào là câu ghép?

A. Câu 1 B. Câu 2

C. Câu 1 và câu 3 D. Không có câu ghép

2. Các vế của câu 1 được nối với nhau bằng cách nào?

A. Nối bằng một cặp quan hệ từ B. Nối bằng một quan hệ từ

C. Nối bằng một cặp phó từ D. Không dùng từ nối.

3. Trong câu (1) có 3 quan hệ từ, quan hệ từ nào được dùng để nối các vế của câu ghép?

A. Rồi B. Vì C. Và D. Cả ba từ

4. Các vế của câu (3) được nối với nhau bằng cách nào?

A. Nối bằng một cặp phó từ B. Nối bằng phó từ

C. Nối bằng quan hệ từ D. Không dùng từ nối.

5. Tại sao mỗi vế của câu (1) và (3) tác giả lại không tách thành hai câu đơn?

A. Vì nếu tách sẽ trở thành những câu sai ngữ pháp.

B. Vì nếu tách sẽ không diễn tả được sự liên tục của dòng hồi tưởng và mạch cảm xúc tuôn chảy.

C. Vì nếu tách, nội dung cơ bản của chúng sẽ thay đổi.

6. Khi xét và phân loại câu ghép, người ta chủ yếu dựa vào quan hệ về mặt nào giữa các vế câu?

A. Quan hệ về mặt ngữ nghĩa giữa các vế câu.

B. Quan hệ về mặt ngữ âm giữa các vế câu.

C. Quan hệ về mặt ngữ pháp, từ loại giữa các vế câu.

D. Quan hệ về mặt ngữ pháp giữa các vế câu.

7. Các quan hệ có góp phần vào biểu thị sắc thái ý nghĩa khác nhau trong việc đánh giá sự vật, hiện tượng được nói đến trong câu hay không?

A. Có B. Không

Trả lời các câu hỏi 8 – 9 – 10 sau bằng khoanh tròn vào ý em cho là đúng nhất?

8. Văn bản thuyết minh có tính chất gì ?

A. Chủ quan, giàu tình cảm, cảm xúc

B. Mang tính thời sự nóng bỏng

C. Uyên bác, chọn lọc

D. Trí thức chuẩn xác, khách quan hữu ích.

9. Đặc điểm của ngôn ngữ văn bản thuyết minh là gì ?

A. Có tính hình tượng, giàu giá trị biểu cảm.

B. Có tính cá thể và giàu hình ảnh

C. Có tính chính xác, cô đọng, chặt chẽ, sinh động

D. Có tính đa nghĩa và giàu cảm xúc.

10. Trong các văn bản miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận có xuất hiện yếu tố thuyết minh không?

A. Có

B. Không

PHẦN II: TỰ LUẬN (7, 5 điểm)

1. Viết đoạn văn ngắn để thuyết minh về quyển vở soạn văn của em. (khoảng từ 8 – 10 câu) (2,5 điểm)

2. Nếu là người chứng kiến cảnh lão Hạc kể chuyện bán chó với ông giáo trong truyện ngắn cùng tên của Nam Cao thì em sẽ ghi lại câu chuyện đó như thế nào? (5 điểm)

ĐỀ SỐ 12

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM: (2 điểm)

Cho đoạn trích sau:

"Dịch hạch, thổ tả, hàng vạn, hàng triệu người chết, nhờ tiến bộ y học, loài người hầu như đã diệt trừ được những dịch khủng khiếp ấy. Nhưng vào cuối thế kỉ này lại xuất hiện những ôn dịch khác.

Cả thế giới đang lo âu về nạn AIDS, chưa tìm ra giải pháp, thì nhiều nhà bác học, sau mấy chục năm và hơn năm vạn công trình nghiên cứu đã lớn tiếng báo động: Ôn dịch thuốc lá đe doạ sức khoẻ và tính mạng loài người còn nặng hơn cả AIDS.

(Trích *Ngữ văn 8*, tập một)

1. Đoạn trích trên trích từ văn bản nào?

A. Thông tin về ngày Trái Đất năm 2000

B. Ôn dịch thuốc lá

C. Bài toán dân số

D. Hai cây phong.

2. Ta có thể hiểu như thế nào về đầu đề: Ôn dịch thuốc lá?

A. Chỉ dịch thuốc lá

B. Tỏ thái độ nguyền rủa, tẩy chay dịch bệnh này.

C. Chỉ một loại nguy hiểm, lây lan.

D. Bao gồm ý A và B

3. Vì sao có thể coi ôn dịch thuốc lá là một văn bản thuyết minh.

A. Vì nội dung văn bản này là các tri thức về tác hại của thuốc lá để bạn đọc nhận thức và biết cách phòng ngừa.

B. Nhiều dẫn chứng, lí lẽ xác thực, thuyết phục

C. Lời văn chặt chẽ, cô đọng, chính xác, sinh động.

D. Bao gồm ý A và C

4. Chủ đề của đoạn trích trên là gì?

A. Ôn dịch thuốc lá đang đe dọa sức khỏe và tính mạng loài người.

B. Khói thuốc lá chứa nhiều chất độc thấm vào cơ thể người hút.

C. Chiến dịch chống thuốc lá.

D. Kiến nghị chống thuốc lá.

5. Đặc điểm của lời văn thuyết minh trong đoạn trích có gì đặc biệt?

A. Sử dụng các từ thông dụng của ngành y tế.

B. Dùng phép so sánh

C. Bao gồm cả A và B

D. Không có gì đặc biệt

6. Các quan hệ từ: mà, còn, chứ...dùng để chỉ quan hệ gì giữa các vế trong câu ghép?

A. Nối tiếp

B. Bổ sung

C. Lựa chọn

D. Tương phản

7. Các phương pháp nào được sử dụng trong bài văn thuyết minh?

A. Phương pháp so sánh, định nghĩa, giải thích

B. Phương pháp nêu ví dụ, phân tích, phân loại

C. Phương pháp liệt kê, dùng số liệu.

D. Phối hợp các phương pháp trên.

8. Phương pháp thuyết minh nào không được sử dụng trong văn bản "Ôn dịch, thuốc lá"?

A. Phương pháp định nghĩa

B. Phương pháp loại trừ

C. Phương pháp liệt kê, nêu số liệu

D. Phương pháp phân tích.

E. Phương pháp so sách

G. Phương pháp nêu ví dụ cụ thể.

PHẦN II: TỰ LUẬN.

1. Trình bày cảm nghĩ của em sau khi đọc văn bản "Ôn dịch, thuốc lá"(Viết đoạn văn 7–8 câu, sử dụng ít nhất 1 câu ghép, gạch chân dưới câu ghép đó) (3 điểm)

2. Thuyết minh về chiếc nón lá Việt Nam. (5 điểm)

ĐỀ SỐ 13

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM: (2,5 điểm)

Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi.

"Trong thực tế, một người phụ nữ có khả năng sinh được rất nhiều con. Theo thống kê của Hội nghị Cai–rô (Ai Cập) họp ngày 5–9–1994 thì tỉ lệ sinh con của một phụ nữ Ấn Độ là 4,5; Nê–pan: 6,3; Ru–an–đa: 8,1; Ta–da–ni–a: 6,7; M–đa–gát–xca: 6,6... Tính chung toàn châu Phi là 5,8. Phụ nữ Việt Nam là 3,7. Như vậy phấn đấu để mỗi gia đình có một đến hai con là một chỉ tiêu rất khó khăn. Với tỉ lệ hàng năm tăng 1,73% như mười lăm năm trước và 1,57% năm 1990 thì dân số hành tinh của chúng ta năm 2015 sẽ là hơn 7 tỉ người. Theo bài toán cổ trên, số dân ấy đã mon men sang ô thứ 31 của bàn cờ".

(Trích *Ngữ văn 8*, tập một)

1. Đoạn trích trên được viết theo phương thức biểu đạt nào?
   A. Lập luận kết hợp tự sự
   B. Lập luận kết hợp miêu tả
   C. Lập luận kết hợp thuyết minh và biểu cảm
   D. Lập luận kết hợp biểu cảm.
2. Vấn đề chính mà tác giả muốn đề cập trong đoạn văn trên là gì?
   A. Sinh con là quyền tự nhiên của người phụ nữ
   B. Phấn đấu để mỗi gia đình có từ 1 đến 2 con là rất khó khăn.
   C. Phụ nữ châu Phi có tỉ lệ sinh con cao nhất
   D. Tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên của thế giới rất cao vì tỉ lệ sinh cao.
3. Qua đoạn trích, tác giả cho biết tỉ lệ sinh con của phụ nữ Việt Nam là bao nhiêu?
   A. 6,6 B. 4,5 C. 3,7 D. 8,1
4. Nguyên nhân chính của sự gia tăng dân số là gì?
   A. Do thiếu hiểu biết, giáo dục
   B. Do phụ nữ có khả năng sinh con lớn
   C. Do không có biện pháp kế hoạch hóa gia đình
   D. Do kinh tế kém phát triển
5. Qua đoạn trích, tỉ lệ sinh con của phụ nữ thuộc châu lục nào là cao nhất?
   A. Châu Á B. Châu Âu C. Châu Phi D. Châu Mĩ
6. Theo tác giả, vào những năm 90 của thế kỉ XX, tổng dân số thế giới đã sang ô thứ mấy của bàn cờ.
   A. 28 B. 30 C. 35 D. 31

7. Tác dụng của dấu ngoặc đơn trong câu "...Hội nghị Cai–rô (Ai Cập)" là gì?
   A. Đánh dấu (báo trước) lời đối thoại
   B. Đánh dấu phần có chức năng chú thích (giải thích, bổ sung)
   C. Đánh dấu phần bổ sung, thuyết minh cho một phần trước đó
   D. Đánh dấu lời dẫn trực tiếp.
8. Tác dụng của dấu hai chấm trong đoạn trích trên là gì?
   A. Đánh dấu phần có chức năng chú thích (giải thích, thuyết minh)
   B. Đánh dấu (báo trước) phần bổ sung, giải thích, thuyết minh cho một phần trước đó.
   C. Đánh dấu (báo trước) lời dẫn trực tiếp hay lời đối thoại
   D. Gồm cả B và C
9. Khi làm văn thuyết minh, yêu cầu diễn đạt nào là quan trọng nhất?
   A. Bố cục mạch lạc, câu văn linh hoạt, ngôn từ giàu hình ảnh
   B. Bố cục mạch lạc, câu văn ngắn gọn, ngôn từ giàu hình ảnh
   C. Bố cục mạch lạc, câu văn ngắn gọn, ngôn từ giàu tính biểu cảm.
10. Trong các đề sau, đề nào là đề văn thuyết minh?
    A. Hướng dẫn nấu canh riêu cua
    B. Bát canh cua và nỗi nhớ quê hương.
    C. Mẹ em
    D. Nghĩ về kỉ niệm tuổi thơ.

PHẦN II: TỰ LUẬN

1. Lâu nay có quan niệm: "Trời sinh voi, trời sinh cỏ" Em có đồng ý với câu nói này không? Tại sao? (2,5 điểm)
2. Thuyết minh về chiếc áo dài Việt Nam. (5 điểm)

ĐỀ SỐ 14

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM (2,5 điểm, mỗi câu trả lời đúng 0,5 điểm)

Trả lời các câu hỏi sau bằng cách chọn ý đúng nhất.

1. Trong câu: Thế mà nghe xong câu chuyện này, qua một thoáng liên tưởng, tôi bỗng "sáng mắt ra".
   Dấu ngoặc kép có công dụng như thế nào?
   A. Đánh dấu từ, ngữ, câu, đoạn dẫn trực tiếp.
   B. Đánh dấu từ ngữ được hiểu theo nghĩa đặc biệt.
   C. Đánh dấu từ ngữ có hàm ý mỉa mai

D. Đánh dấu tên tờ báo, tác phẩm...được dẫn.

2. Dấu ngoặc kép có những tác dụng nào?

A. Đánh dấu từ, ngữ, câu, đoạn dẫn trực tiếp.

B. Đánh dấu từ, ngữ được hiểu theo nghĩa đặc biệt hay có ý mỉa mai.

C. Đánh dấu tên tác phẩm, tạp chí...được dẫn trong câu văn.

D. Cả 3 nội dung trên.

3. Dấu hai chấm và dấu ngoặc kép trong ví dụ sau được dùng để làm gì ?

Hôm sau, bác sĩ bảo Xiu: "Cô ấy khỏi nguy hiểm rồi, chị đã thắng. Giờ chỉ còn việc bồi dưỡng và chăm nom – thế thôi".

A. Cùng đánh dấu lời dẫn trực tiếp

B. Đánh dấu sự bổ sung và lời dẫn trực tiếp.

C. Đánh dấu sự giải thích và lời dẫn trực tiếp.

D. Đánh dấu sự giải thích và lời dẫn trực tiếp.

4. Đoạn văn sau được viết theo phương thức biểu đạt nào?

Gói bánh: dùng lá chuối tươi, xoa mỡ vào lá, đặt từng phần cốm vào lá, dàn mỏng hình chữ nhật, kích thước 10 × 20 cm, dàn nhân lên ½ bề mặt cốm; lật úp mặt cốm không nhân lên, ấn nhẹ tay. Gói bánh thành hình vuông, buộc lạt đỏ chéo chữ thập.

A. Tự sự B. Nghị luận C. Thuyết minh D. Biểu cảm

5. Vì sao đoạn văn sau được gọi là văn bản thuyết minh?

"Bút bi có nhiều tiện ích trong sử dụng và bảo quản. Với tốc độ giảng dạy và ghi chép như hiện nay, bút mực không còn được sử dụng rộng rãi như trước nữa. Sử dụng bút bi tiện lợi hơn nhiều, giá thành lại rẻ; viết trơn, nhanh hơn; không dây bẩn như bút mực và ít bị hỏng hóc trong khi viết".

A. Vì nó cung cấp cho ta tri thức về một sự vật trong đời sống sinh hoạt hàng ngày bằng cách trình bày, giới thiệu.

B. Vì nó cung cấp cho ta tri thức về một hiện tượng tự nhiên.

C. Vì nó cung cấp cho ta tri thức về một hiện tượng xã hội

D. Cả A, B, C đều sai

PHẦN II: TỰ LUẬN

1. Cho câu văn sau: Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước. Đó là truyền thống quí báu của dân tộc ta.

(Hồ Chí Minh)

Hãy viết một đoạn văn có sử dụng dấu ngoặc kép để trích dẫn trực tiếp câu trên. (2,5 điểm)

2. Thuyết minh về chiếc bút bi. (5 điểm)

ĐỀ SỐ 15

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM. (2,5 điểm)

Cho câu thơ: (A) Thân ấy vẫn còn, còn sự nghiệp
Bao nhiêu nguy hiểm, sợ gì đâu.

(Trích *Ngữ văn 8*, tập một)

Trả lời các câu hỏi sau bằng cách chọn ý trả lời đúng nhất.

1. Câu thơ trên của tác giả nào?

A. Phan Bội Châu B. Phan Châu Trinh

C. Tản Đà D. Trần Quang Khải

2. Bài thơ có hai câu thơ trên ra đời năm nào?

A. 1916 B. 1915 C. 1914 D. 1913

3. Hai câu thơ trên trích trong bài thơ được làm theo thể thơ gì?

A. Tuyệt cú B. Thất ngôn tứ tuyệt

C. Thất ngôn bát cú Đường luật D. Ngũ ngôn tứ tuyệt

4. Phương thức biểu đạt của bài thơ này?

A. Tự sự B. Biểu cảm C. Nghị luận D. Thuyết minh

5. Nhân vật trữ tình của bài thơ là ai?

A. Tác giả

B. Là nhà yêu nước trong cảnh ngục tù

C. Gao gồm cả A và B

Cho câu thơ (B). Những kẻ vá trời khi lỡ bước
Gian nan chi kể việc con con.

6. Hai câu thơ trích dẫn (A) và (B) trên được sáng tác trong hoàn cảnh nào?

A. Khi tác giả đang hoạt động ở nước ngoài.

B. Khi tác giả đang bị giam hãm trong tù ngục

C. Khi tác giả đang chuẩn bị tìm đường cứu nước ở nước ngoài.

D. Khi tác giả đang lãnh đạo các cuộc khởi nghĩa trong nước.

7. Nêu ý nghĩa của hai câu thơ (B)

A. Thể hiện phong thái ung dung tự tại của người cách mạng.

B. Thể hiện tư thế lẫm liệt của người cách mạng

C. Thể hiện niềm tin và ý chí chiến đấu của người cách mạng

8. Biện pháp nghệ thuật tu từ nào được dùng trong hai câu thơ (B).

A. So sánh B. Nói quá, nói giảm, nói tránh

C. Nhân hóa D. Liệt kê

9. Khi viết, cần tránh các lỗi nào về dấu câu?

A. Thiếu dấu ngắt câu khi câu kết thúc

B. Dùng lẫn lộn các dấu câu

C. Thiếu dấu thích hợp để tách các bộ phận câu khi cần thiết.

D. Dùng dấu ngắt câu khi câu chưa kết thúc.

E. Bao gồm cả 4 ý trên.

10. Khi thuyết minh đặc điểm thể loại văn học, ta cần làm gì?

A. Quan sát, nhận xét, sau đó khái quát thành những đặc điểm

B. Cần tìm các ví dụ tiêu biểu, cụ thể để làm sáng tỏ đặc điểm

C. Khái quát một cách chung nhất.

D. Bao gồm A và B

PHẦN II: TỰ LUẬN.

1. Cả hai bài thơ: "Vào nhà ngục Quảng Đông cảm tác" và "Đập đá ở Côn Lôn" có nét gì chung về cách thức thể hiện cảm xúc? (viết trong 1 đoạn văn từ 5 – 7 câu) (2,5 điểm)

2. Giới thiệu tác phẩm "Tắt đèn" (5 điểm).

ĐỀ SỐ 16

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM.

(3 điểm, mỗi câu đúng 0,25 điểm, riêng câu 8: 0,75 điểm)

Cho câu thơ: " Đêm thu buồn lắm chị Hằng ơi
Trần thế em nay chán nửa rồi"

(*Ngữ văn 8*, tập một)

1. Nhan đề của bài thơ chứa hai câu thơ trên là gì?

A. Muốn làm thằng Cuội B. Đập đáp ở Côn Lôn

C. Vào nhà ngục Quảng Đông cảm tác D. Hai chữ nước nhà.

2. Bài thơ trên nằm trong tập thơ nào?

A. Giấc mộng con I B. Giấc mộng lớn

C. Khối tình con I D. Thề non nước.

3. Đánh dấu đúng nhất về nhận định sau:

"Có thể xem thơ Tản Đà như một gạch nối giữa thơ cổ điển và thơ hiện đại Việt Nam"

A. Đúng B. Sai

4. Bài thơ chứa hai câu trích trên được viết theo thể thơ nào?

A. Ngụ ngôn B. Thất ngôn bát cú Đường luật

C. Tự do D. Thất ngôn tứ tuyệt

5. Nhan đề bài cho ta thấy tư tưởng gì của tác giả.

A. Yêu cuộc sống

B. Muốn hòa nhập, cống hiến cho cuộc đời

C. Sự đùa cợt của nhà thơ

D. Xu hướng muốn thoát ly, xa lánh chốn bụi trần.

6. Tâm trạng nào của tác giả được bộc lộ ở hai câu thơ đầu?

A. Buồn chán trần thế B. Buồn vì nghèo

C. Buồn vì đêm lạnh D. Buồn chán bản thân.

7. Các từ in đậm trong hai câu thơ sau là loại từ gì?

<u>Lom khom</u> dưới núi tiều vài chú
<u>Lác đác</u> bên sông chợ mấy nhà.

A. Tượng thanh B. Tình thái từ C. Tượng hình D. Trợ từ.

8. Nối cột A với B sao cho đúng nhất.

A	B
a. Lẹt đẹt, ồ ồ	1. Từ tượng hình
b. Lăn tăn, nhấp nhô	2. Trợ từ
c. A, ư, hãy	3. Tượng thanh
d. Trời, tôi, sao	4. Nói giảm nói tránh
e. Những kẻ vá trời khi lỡ bước Gian nan chi kể việc con con	5. Thán từ

9. Từ nào có nghĩa rộng hơn so với các từ sau.

A. Nức nở B. Khóc C. Thút thít D. Sụt sịt

PHẦN II: TỰ LUẬN

1. Viết 1 đoạn văn nêu đánh giá của em về nét mới trong thơ Đường luật của Tản Đà sau khi học xong bài thơ: *Muốn làm thằng Cuội.* (2 điểm)

2. Dựa vào truyện "*Con hổ có nghĩa*" và "*Thầy thuốc giỏi cốt nhất ở tấm lòng*" làm tư liệu minh họa, hãy giới thiệu về thể loại truyện trung đại. (5 điểm)

ĐỀ SỐ 17

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM. (2,5 điểm)

Đọc kĩ đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi ở bên dưới.

Chốn ải Bắc mây sầu ảm đạm,
Cõi giời Nam gió thảm đìu hiu,
Bốn bề hổ thét chim kêu,
Đoái nom phong cảnh như khêu bất bình
Hạt máu nóng thấm quanh hồn nước
Chút thân tàn lần bước dặm khơi,
Trong con tầm tã châu rơi,
Con ơi, con nhớ lấy lời cha khuyên.

(Trích *Ngữ văn 8*, tập một)

1. Khổ thơ trên được trích trong bài thơ Hai chữ nước nhà. Bài thơ được viết theo thể loại nào?

A. Lục bát B. Song thất lục bát C. Tự do D. Ngụ ngôn

2. Em có nhận xét gì về giọng điệu của đoạn trích trên?

A. Giọng sầu bi, ảo não B. Giọng bi hùng, thống thiết
C. Giọng rên rỉ, não nề thống thiết D. Giọng hào hùng

3. Hình ảnh nào trong đoạn trích trên gây xúc động nhất?

A. Mây sầu ảm đạm C. Tầm tã châu rơi
B. Gió thảm đìu hiu D. Hạt máu nóng thấm quanh hồn nước
Chút thân tàn lần bước dặm khơi.

4. Em hiểu thế nào về câu thơ?

Hạt máu nóng thấm quanh hồn nước
Chút thân tàn lần bước dặm khơi.

A. Tuy tấm thân tàn tạ của Nguyễn Phi Khanh phải lưu lạc xứ người nhưng hồn ông vẫn quẩn quanh cùng đất nước.
B. Ông muốn hi sinh cho đất nước nhưng lực bất tòng tâm.
C. Ông than khóc cho thân phận lưu lạc của mình
D. Nơi xứ người, thân phận ông thật bơ vơ, tàn tạ.

5. Cảm xúc bao trùm đoạn trích.

A. Lời trăng trối ân tình, tràn đầy xót xa, đau đớn của người cha với con trai mình về tình cảnh nước nhà trước giờ vĩnh biệt.
B. Tâm trạng u uất, bất lực của người cha trước cảnh nước mất, nhà tan.

C. Lòng căm phẫn quân xâm lược.

6. Bài thơ có sự kết hợp các phương thức biểu đạt nào?

A. Tự sự và miêu tả B. Tự sự và biểu cảm
C. Miêu tả và biểu cảm D. Biểu cảm và thuyết minh

7. Từ nào trong các từ sau không phải là từ láy

A. Ảm đạm B. Đìu hiu C. Tầm tã D. Bất bình

8. Điền vào mục A từ có phạm vi nghĩa bao hàm nghĩa các từ ở B. (như C và D)

A.	C. Chim
B. Hổ	D. Quạ

9. Từ nào thay thế được từ "châu" trong đoạn trích?

A. Lệ B. Nước C. Khóc D. Máu

10. Trong các từ sau, từ nào là từ tượng hình?

A. Tầm tã B. Thánh thót C. Ồ ồ D. Róc rách.

PHẦN II: TỰ LUẬN. (7,5 điểm)

1. Hãy nêu tác dụng của việc lựa chọn thể thơ song thất lục bát để gửi gắm nỗi niềm tâm sự của Trần Tuấn Khải trong bài thơ: *Hai chữ nước nhà*

(Viết đoạn văn từ 5 – 7 câu, gạch chân dưới 1 câu ghép)

2. Thuyết minh về 1 loài hoa. (5 điểm)

ĐỀ SỐ 18

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM. (2,5 điểm)

Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi.

Đoạn 1: "Nào đâu những đêm vàng bên bờ suối
Ta say mồi đứng uống ánh trăng tan
......
Để ta chiếm lấy riêng phần bí mật.
– Than ôi! Thời oanh liệt nay còn đâu?"

(*Ngữ văn 8*, tập một)

1. Phương thức biểu đạt của đoạn thơ trên là gì?

A. Tự sự B. Biểu cảm C. Miêu tả D. Thuyết minh

2. Đại từ "ta" lặp lại trong các lời thơ trên có ý nghĩa gì?

A. Thể hiện khí phách ngang tàng, làm chủ
B. Tạo nhạc điệu rắn rỏi, hùng tráng

C. Thể hiện cái tôi cá nhân.

D. Bao gồm ý A và B

3. Trong đoạn thơ này, điệu từ "đâu" có ý nghĩa gì?

A. Nhấn mạnh và bộc lộ trực tiếp nỗi tiếc nuối cuộc sống độc lập, tự do của chính mình.

B. Thể hiện ý nghi vấn.

C. Dùng để kể lại sự việc

D. Dùng để yêu cầu.

4. Tâm tư của tác giả được gửi gắm như thế nào trong bài thơ "*Nhớ rừng*"

A. Niềm khao khát tự do mãnh liệt

B. Niềm căm phẫn trước cuộc sống tầm thường, giả dối.

C. Lòng yêu nước kín đáo và sâu sắc.

D. Cả 3 ý kiến trên.

Đoạn 2.

" Bao nhiêu người thuê viết
Tấm tắc ngợi khen tài
"Hoa tay" thảo từng nét
Như phượng múa rồng bay

Nhưng mỗi năm mỗi vắng
Người thuê viết nay đâu
Giấy đỏ buồn không thắm
Mực đọng trong nghiên sầu"

"*Ông đồ*" – *Ngữ văn 8*, tập hai)

5. Đâu là phương thức biểu đạt của bài thơ "Ông đồ".

A. Tự sự

B. Miêu tả

C. Biểu cảm

D. Biểu cảm kết hợp miêu tả và tự sự

6. Bài thơ "Ông đồ" được viết theo thể thơ gì?

A. Lục bát

B. Song thất lục bát

C. Ngụ ngôn

D. Ngụ ngôn bát cú.

7. Hai câu thơ: " Giấy đỏ buồn không thắm
Mực đọng trong nghiên sầu"

Sử dụng biện pháp tu từ gì?

A. So sánh B. Hoán dụ C. Nhân hóa D. Ẩn dụ

8. Câu thơ "Người thuê viết nay đâu?" là câu nghi vấn?

A. Đúng

B. Sai

9. Dấu hiệu để nhận biết câu nghi vấn là gì?

A. Có các từ nghi vấn, có từ "hay" để nối các vấn đề có quan hệ lựa chọn

B. Khi viết, ở cuối câu có dấu chấm hỏi.

C. Bao gồm ý A và B

D. Có các từ cảm thán.

10. Chức năng chính của câu nghi vấn : "Người thuê viết nay đâu?"

A. Dùng để yêu cầu

B. Dùng để hỏi

C. Dùng để bộc lộ cảm xúc

D. Dùng để kể lại sự việc.

PHẦN II: TỰ LUẬN.

1. Cho câu chủ đề: Phạm Văn Đồng nhà cách mạng nổi tiếng nhà văn hóa lớn. Hãy viết thành đoạn văn thuyết minh từ 6 – 10 câu (2,5 điểm)

2. Giới thiệu một hiệu sách tự chọn. (5 điểm)

ĐỀ SỐ 19

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM. (2,5 điểm)

Đọc các đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi.

Đọc 1: " Dân chài lưới làn da ngăm rám nắng
Cả thân hình nồng thở vị xa xăm;
Chiếc thuyền im bến mỏi trở về nằm
Nghe chất muối thấm dần trong thớ vỏ.

(*Ngữ văn 8*, tập hai)

1. Khổ thơ trên được trích trong bài thơ nào? Của ai?

A. *Ông đồ* – Vũ Đình Liên

B. *Nhớ rừng* – Thế Lữ

C. *Quê hương* – Tế Hanh

D. Cả 3 đáp án trên đều sai.

2. Bài thơ có chứa đoạn trích trên viết theo phương thức biểu đạt nào?

A. Tự sự

B. Miêu tả + biểu cảm

C. Thuyết minh

D. Nghị luận

3. Trong khổ thơ trên, phép tu từ nào được sử dụng

A. Nhân hóa B. So sánh C. Ẩn dụ D. Hoán dụ

4. Qua khổ thơ trên, em thấy được vẻ đẹp nào trong tâm hồn tác giả?

A. Tâm hồn nhạy cảm, tinh tế, lắng nghe được cuộc sống âm thầm trong những sự vật của quê hương.

B. Tự hào về quê hương.

C. Nhớ quê hương da diết

D. Gắn bó, thủy chung với quê hương.

Đoạn 2: "Ta nghe hè dậy bên lòng
Mà chân muốn đạp tan phòng hè ôi

Ngột làm sao chết uất thôi
Con chim tu hú ngoài trời cứ kêu"
(*Ngữ văn 8*, tập hai. Trích: *Khi con tu hú* – Tố Hữu)

5. Ý nào nói đúng tâm trạng của người tù chiến sĩ được thể hiện ở 4 câu thơ trên?

A. Uất ức, bồn chồn, khao khát tự do đến cháy bỏng.
B. Mong nhớ da diết cuộc sống ngoài chốn ngục tù.
C. Khó chịu vì tiếng chim tu hú kêu

6. Em cảm nhận chiều mãnh liệt nào diễn ra trong tâm hồn con người từ những lời thơ trên?

A. Thèm khát cao độ cuộc sống tự do.
B. Tâm hồn đang cháy lên khát vọng yêu cuộc sống, yêu tự do.
C. Nồng nhiệt với tình yêu cuộc sống, tự do.
D. Bao gồm cả 3 ý A, B, C

7. Kiểu câu nào được dùng liên tiếp trong khổ thơ.

A. Nghi vấn B. Phủ định C. Cầu khiến D. Cảm thán

8. Thể thơ lục bát trong bài thơ này đã đem lại tác dụng gì?

A. Có ưu thế diễn tả cảm xúc tha thiết, nồng cháy của tâm hồn.
B. Giàu nhạc điệu, dễ đọc, dễ thuộc, dễ nhớ.
C. Cả hai ý A và B.
D. Mang tính dân tộc

9. Phương thức biểu đạt chính của đoạn thơ trên?

A. Biểu cảm B. Miêu tả
C. Thuyết minh D. Tự sự – thuyết minh

10. Nhân vật trữ tình trong bài thơ này là "ta" có quan hệ như thế nào với tác giả – nhà thơ Tố Hữu.

A. Là một chiến sĩ bị giam cầm
B. Là một nét chân dung tinh thần của Tố Hữu thời kì giác ngộ cách mạng
C. Nhân vật trữ tình thống nhất với tác giả
D. Gồm ý B, C

PHẦN II: TỰ LUẬN.

1. Cảm nhận của em về câu cuối cùng của bài thơ "Quê hương" (Tế Hanh): Tôi thấy nhớ cái mùi nồng mặn quá.

(Viết đoạn văn ngắn 5 – 7 câu, có sử dụng câu hỏi tu từ) (2,5 điểm)

2. Thuyết minh về một trò chơi mà em yêu thích. (5 điểm)

ĐỀ SỐ 20

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM. (2,5 điểm)

Đọc bài thơ: "Tức cảnh Pác Bo" và trả lời câu hỏi:

Sáng ra bờ suối, tối vào hang
Cháo bẹ rau măng vẫn sẵn sàng
Bàn đá chông chênh dịch sử Đảng
Cuộc đời cách mạng thật là sang.
(*Ngữ văn 8*, tập hai)

1. Bài thơ trên được sáng tác trong hoàn cảnh nào?

A. Trong thời gian Bác Hồ đang đang hoạt động ở nước ngoài
B. Trong thời gian Bác Hồ hoạt động ở Cao Bằng, chuẩn bị tổng khởi nghĩa (tháng 8/1945)
C. Trong thời gian Bác Hồ làm lãnh đạo toàn quốc chống Pháp
D. Trong thời gian Bác Hồ bị giam cầm trong nhà tù của Tưởng Giới Thạch.

2. Phương thức biểu đạt chủ đạo của bài thơ trên?

A. Miêu tả B. Biểu cảm + miêu tả C. Biểu cảm D. Tự sự

3. Bài thơ có thể thơ giống với bài thơ nào sau đây?

A. *Bánh trôi nước* – Hồ Xuân Hương
B. *Cảm nghĩ trong đêm thanh tĩnh* – Lí Bạch
C. *Hai chữ nước nhà* – Trần Tuấn Khải
D. *Muốn làm thằng Cuội* – Tản Đà.

4. Em đồng ý với nhận xét nào dưới đây về giọng điệu của bài thơ này?

A. Dõng dạc, hào hùng B. Tha thiết, mềm mại
C. Nhẹ nhàng, vui tươi D. Bao gồm cả 3 ý A, B, C

5. Nghệ thuật nào được sử dụng trong câu thơ thứ nhất?

A. Đối B. Liệt kê
C. Tương phản D. Không có biện pháp nghệ thuật nào

6. Con người Bác Hồ trong bài thơ được nhận định như thế nào là đúng?

A. Yêu nước, thương dân, sẵn sàng cống hiến cả cuộc đời cho Tổ quốc.
B. Quyết đoán, tự tin trước mọi tình thế của cách mạng.
C. Ung dung, lạc quan trước cuộc sống cách mạng đầy khó khăn.
D. Bình tĩnh, tự chủ trong mọi hoàn cảnh.

7. Em hiểu cái "sang" của cuộc đời cách mạng trong bài thơ này như thế nào?

A. Sang trọng, giàu có về mặt của cải, vật chất

B. Sang trọng giàu có về mặt tinh thần: của những cuộc đời làm cách mạng, của những nhà thơ tìm thấy sự hòa hợp tự tin, thư thái.

C. Sang trọng, giàu có vì thấy mình hữu ích cho cách mạng cả trong gian khổ, thiếu thốn.

D. Bao gồm ý C và B

8. Bài thơ có gì mới so với thể thơ này trong các sáng tác của nhà thơ đời Đường? (Hãy chọn nhận xét đúng nhất)

A. Lời thơ thuần Việt, giản dị, giọng thơ tự nhiên, nhẹ nhàng tình cảm vui tươi, phấn chấn.

B. Ngôn từ ước lệ, khuôn sáo

C. Đối ý, đối thanh

D. Không có gì mới.

9. Mục đích của kiểu câu sau là gì?

"Nhưng lại đằng này đã, về làm gì vội?"

A. Cầu khiến B. Nghi vấn C. Van xin D. Ra lệnh.

10. Cho biết câu cầu khiến dưới đây dùng để làm gì?

" Các em ơi, hãy chịu khó đợi một chút"

A. Đề nghị B. Sai khiến C. Van xin D. Ra lệnh

PHẦN II: TỰ LUẬN

1. Những câu thơ sau đây và bài: *Tức cảnh Pác Bó* có điểm gì chung? Những điểm chung ấy nói lên điều gì? (2,5 điểm)

" Cảnh rừng Việt Bắc thật là hay
Vượn hót, chim kêu suốt cả ngày
. . . .Non xanh nước biếc tha hồ dạo
Rượu ngọt chè tươi mặc sức say

(*Cảnh rừng Việt Bắc*)

(Viết một đoạn văn từ 6 – 8 câu, trong đó có sử dụng một câu cảm thán và một câu hỏi tu từ)

2. Giới thiệu về ngôi trường (hoặc khu phố hay thành phố) của em. (5 điểm)

ĐỀ SỐ 21

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM. (2,5 điểm)

Đọc kĩ những câu thơ sau và trả lời các câu hỏi ở bên dưới

" Trong tù không rượu cũng không hoa
Cảnh đẹp đêm nay khó hững hờ
Người ngắm trăng soi ngoài cửa sổ
Trăng nhòm khe cửa ngắm nhà thơ"

(*Ngữ văn 8*, tập hai)

1. Bài thơ trên được sáng tác bằng chữ gì?

A. Chữ Quốc ngữ B. Chữ Hán C. Chữ Pháp D. Chữ Nôm

2. Bài thơ trên nằm trong tập thơ văn nào của Bác?

A. Chùm thơ ở Việt Bắc B. Văn chính luận

C. Nhật kí trong tù D. Không nằm trong các tập thơ văn trên

3. "Ngắm trăng" thuộc thể thơ gì

A. Song thất lục bát B. Ngũ ngôn tứ tuyệt

C. Thất ngôn tứ tuyệt C. Thất ngôn bát cú.

4. Câu: Trước cảnh đẹp đêm nay biết làm như thế nào?

A. Nghi vấn B. Phủ định C. Cầu khiến D. Cả A, B, C đều sai

5. Hai câu thơ cuối bài thơ trên sử dụng biện pháp nghệ thuật gì?

A. So sánh B. Hoán du C. Ẩn du D. Đối xứng

6. Nhận định nào nói đúng nhất hình ảnh Bác Hồ hiện lên qua bài thơ trên?

A. Một con người giàu lòng yêu thương

B. Một con người yêu thiên nhiên và luôn lạc quan

C. Một con người luôn có bản lĩnh cách mạng kiên cường

D. Một con người có khả năng nhìn xa trông rộng

7. Nhà phê bình Hoài Thanh nhận xét: Thơ Bác đầy trăng. Em hiểu nhận xét này khái quát đặc điểm nào trong thơ Bác?

A. Trăng là đề tài nổi bật trong thơ Bác.

B. Bác dành nhiều cảm xúc của mình cho trăng

C. Bao gồm ý A và B

D. Thơ Bác bài nào cũng có trăng.

8. Dấu hiệu để nhận biết câu cảm thán là gì?

A. Sử dụng từ ngữ nghi vấn và dấu chấm hỏi ở cuối câu

B. Sử dụng từ ngữ cảm thán và dấu chấm than ở cuối câu

C. Sử dụng ngữ điệu cầu khiến và dấu chấm than ở cuối câu.

D. Không có dấu hiệu hình thức đặc trưng.

9. Trong câu cảm thán, những từ ngữ nào thường xuất hiện?

A. Ôi, than ôi, hỡi ôi B. Sao, không, thế nào, hay...?

C. Hãy, đừng, chớ...   D. Không có cả 3 nhóm từ trên.

10. Trong 4 kiểu câu, câu nào được sử dụng nhiều nhất?

A. Nghi vấn   B. Cầu khiến   C. Trần thuật   D. Cảm thán

PHẦN II: TỰ LUẬN.

1. Viết 1 đoạn văn ngắn (6 – 8 câu) có sử dụng cả 4 kiểu câu đã học (2,5 điểm)
2. Thuyết minh về 1 món ăn dân tộc (5 điểm)

ĐỀ SỐ 22

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM. (2,5 điểm)

Trả lời các câu hỏi sau:

1. Bài thơ "Tức cảnh Pác Bó" thuộc thể thơ nào? Chọn ý đúng nhất.

A. Thất ngôn tứ tuyệt Đường luật   B. Ngũ ngôn tứ tuyệt Đường luật

C. Thất ngôn bát cú Đường luật   D. Song thất lục bát

2. Chọn ý đúng nhất về hoàn cảnh sáng tác bài thơ: Tức cảnh Pác Bó.

A. Trong thời gian Bác Hồ bôn ba hoạt động ở nước ngoài

B. Trong thời gian Bác Hồ lãnh đạo toàn quốc chống Mĩ

C. Trong thời gian Bác Hồ lãnh đạo toàn quốc chống Pháp

D. Trong thời gian Bác Hồ hoạt động cách mạng ở Cao Bằng chuẩn bị cho tổng khởi nghĩa.

3. Ý nào nói đúng nhất về giọng điệu chung của bài thơ: *Tức cảnh Pác Bó*?

A. Giọng hào hứng, sôi nổi, thiết tha   B. Giọng đau thương, nuối tiếc

C. Giọng thiết tha, trìu mến   D. Giọng đùa vui, dí dỏm

4. Dòng nào nói đúng nhất về con người Bác trong bài thơ: *Tức cảnh Pác Bó*?

A. Bình tĩnh, chủ động trong mọi hoàn cảnh

B. Quyết đoán, tự tin trước mọi khó khăn

C. Ung dung, lạc quan trước cuộc sống cách mạng đầy khó khăn

D. Sẵn sàng hy sinh cả cuộc đời cho dân tộc.

5. Tâm trạng Bác Hồ được thể hiện như thế nào qua câu thơ cuối?

"Cuộc đời cách mạng thật là sang"

A. Tin tưởng vào tương lai tươi sáng của đất nước

B. Lạc quan với cuộc sống cách mạng đầy gian khổ

C. Vui vẻ trong cảnh sống chan hòa với thiên nhiên.

D. Gồm cả 3 ý trên.

6. Dòng nào cho thấy dấu hiệu nhận biết câu cầu khiến?

A. Sử dụng dấu chấm than khi kết thúc câu

B. Sử dụng từ cầu khiến

C. Sử dụng ngữ điệu cầu khiến

D. Gồm cả A, B và C

7. Dòng nào nói đúng nhất về chức năng của câu cầu khiến?

A. Dùng để hỏi

B. Dùng để thể hiện cảm xúc

C. Dùng để ra lệnh, sai khiến, yêu cầu, đề nghị, khuyên bảo...

D. Cả 3 ý trên đều sai.

8. Trong những câu sau, câu nào không phải là câu cầu khiến?

A. Cháu hãy vẽ cái gì thân thuộc nhất với cháu.

B. Hãy tiến lên

C. Mong anh thông cảm

D. Người thuê viết nay đâu?

9. Muốn viết một bài văn giới thiệu về một danh lam thắng cảnh thì ta phải làm như thế nào?

A. Phải trực tiếp đến nơi tham quan, quan sát

B. Tra cứu sách vở, tài liệu về danh lam thắng cảnh đó

C. Hỏi han những người hiểu biết về danh lam thắng cảnh đó

D. Gồm cả 3 ý trên.

10. Yêu cầu về lời văn của bài giới thiệu một danh lam thắng cảnh là gì?

A. Có tính hình tượng   B. Có tính chính xác và biểu cảm

C. Có tính hàm xúc   D. Có nhịp điệu, giàu cảm xúc

PHẦN II: TỰ LUẬN. (7,5 điểm)

1. Em hiểu thế nào về 3 chữ "vẫn sẵn sàng" ở câu thơ thứ 2?
(Hãy nêu cách hiểu của em bằng một đoạn văn từ 6 – 8 câu) (2,5 điểm)
2. Giới thiệu về ngôi trường của em. (5 điểm)

ĐỀ SỐ 23

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM. (2 điểm)

Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:

"Huống gì thành Đại La, Kinh đô của Cao Vương: Ở vào nơi trung tâm trời đất; được cái thế rồng cuộn hổ ngồi. Đã đúng ngôi nam bắc đông tây, lại tiện

hướng nhìn ra sông dựa núi. Địa thế rộng mà bằng, đất đai cao mà thoáng. Dân cư khỏi chịu cảnh khốn khổ ngập lụt; muôn vật cũng rất mực phong phú tốt tươi. Xem khắp đất Việt ta, chỉ nơi này là thắng địa. Thật là chốn tụ hội trọng yếu của bốn phương đất nước, cũng là nơi kinh đô bậc nhất của đế vương muôn đời.

Trẫm muốn dựa vào sự thuận lợi của đất ấy để định chỗ ở. Các khanh nghĩ thế nào?"

(Trích *Ngữ văn 8*, tập hai)

1. Phương thức biểu đạt chính của đoạn trích trên là gì?

A. Biểu cảm B. Nghị luận C. Tự sự D. Thuyết minh

2. Vấn đề đưa ra bàn luận ở đoạn trích trên là gì?

A. Chuyển dời kinh đô.

B. Các vấn đề dời đô trong lịch sử

C. Vấn đề, lí do dời đô của nhà Thương, nhà Chu

D. Kinh đô cũ không còn thích hợp

3. Em hiểu thành ngữ : "Rồng cuộn hổ ngồi" trong câu:

"Thế rồng cuộn hổ ngồi" nghĩa là gì?

A. Thế đất giống hình rồng cuộn, hổ ngồi

B. Thế đất được coi là đẹp

C. Thế đất sẽ phát triển thịnh vượng

D. Bao gồm cả 3 ý trên

4. Biện pháp nghệ thuật nào được dùng ở đoạn trích trên?

A. Dùng câu văn biền ngẫu B. Biểu cảm

C. Giàu hình ảnh D. Bao gồm cả 3 ý trên

5. Tại sao kết thúc văn bản Chiếu dời đô, tác giả không ra mệnh lệnh mà lại đặt câu hỏi: "Các khanh nghĩ thế nào?" "Khanh đẳng như hà?"

A. Kết thúc mang tính chất trao đổi

B. Kết thúc, mang tính đối thoại, tạo sự đồng cảm giữa mệnh lệnh của vua với thần dân.

C. Để tạo nên sự độc đáo

D. Chỉ là sự vô tình, không có nghĩa gì cả.

6. Trong câu: "Chốn hội tụ của bốn phương đất nước, cũng là nơi kinh đô bậc nhất của đế vương muôn đời", tác giả đã bộc lộ khát vọng nào của cá nhân cũng như của dân tộc lúc bấy giờ?

A. Khát vọng thống nhất đất nước

B. Hi vọng về sự vững bền của quốc gia

C. Khát vọng về một đất nước hùng cường

D. Cả 3 ý A, B, C đều đúng

Trả lời các câu hỏi sau bằng cách khoanh tròn vào chữ cái đầu câu em cho là đúng.

7. Dòng nào nói đúng nhất dấu hiệu nhận biết câu phủ định?

A. Là câu có ngữ điệu phủ định

B. Là câu có từ ngữ phủ định như: *không, chẳng, chưa...*

C. Là câu có sử dụng dấu chấm than khi viết

D. Là câu có từ ngữ cảm thán như: *biết bao, ôi, thay...*

8. Có thể phân loại câu phủ định thành mấy loại cơ bản.

A. Hai loại B. Ba loại C. Bốn loại D. Không phân loại

PHẦN II: TỰ LUẬN.

1. Có ý kiến cho rằng: *Chiếu dời đô* là văn bản thể hiện ý chí và tư thế của dân tộc Đại Việt. Em có đồng ý với ý kiến trên không? Vì sao? (3 điểm)

2. Thuyết minh về một lễ hội mà em biết (5 điểm).

ĐỀ SỐ 24

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM. (2điểm)

Đọc kĩ đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi bằng cách lựa chọn các chữ cái ở đầu câu trả lời đúng nhất.

" Huống chi ta cùng các ngươi sinh phải thời loạn lạc, lớn gặp buổi gian nan. Ngó thấy sứ giặc đi lại nghênh ngang ngoài đường, uốn lưỡi cú diều mà sỉ mắng triều đình, đem thân dê chó mà bắt nạt tể phụ, thác mệnh Hốt Tất Liệt mà đòi ngọc lụa, để thỏa lòng tham không cùng, giả hiệu Vân Nam Vương mà thu bạc vàng, để vét của kho có hạn. Thật khác nào đem thịt mà nuôi hổ đói, sao cho khỏi tai vạ về sau!

Ta thường tới bữa quên ăn, nửa đêm vỗ gối, ruột đau như cắt, nước mắt đầm đìa; chỉ căm tức chưa xả thịt lột da, nuốt gan uống máu quân thù. Dẫu cho trăm thân này phơi ngoài nội cỏ, nghìn xác này gói trong da ngựa, ta cũng vui lòng"

(*Ngữ văn 8*, tập hai)

1. Bao trùm lên toàn bộ đoạn trích trên là tư tưởng, tình cảm gì?

A. Yêu nước, căm thù giặc B. Lòng tự hào dân tộc

C. Lo lắng trước nạn ngoại xâm D. Tinh thần lạc quan.

2. Tác phẩm "Hịch tướng sĩ" được viết vào thời kì nào?

A. Thời kì nước ta chống quân Tống

B. Thời kì nước ta chống quân Thanh

C. Thời kì nước ta chống quân Mông Cổ

D. Thời kì nước ta chống quân Minh.

3. Trong đoạn trích trên, hình ảnh nào không được dùng để mô tả sự ngang ngược của giặc?

A. Cú diều B. Dê chó C. Hổ đói D. Trâu ngựa

4. Từ nào có thể thay thế từ "nghênh ngang" trong câu: Ngó thấy sứ giặc đi lại nghênh ngang ngoài đường....?

A. Ngang nhiên B. Ngang ngửa C. Ngông nghênh D. Hiên ngang

5. Trong câu: "Ta thường tới bữa quên ăn, nửa đêm vỗ gối, ruột đau như cắt, nước mắt đầm đìa; chỉ căm tức chưa xả thịt, lột da, nuốt gan uống máu quân thù" là kiểu câu gì?

A. Câu cầu khiến B. Câu cảm thán

C. Câu nghi vấn D. Câu trần thuật.

6. Trong câu: "Thật khác nào đem thịt mà nuôi hổ đói, sao cho khỏi để tai vạ về sau!" người nói đã sử dụng kiểu hành động nói nào?

A. Hành động trình bày B. Hành động bộc lộ cảm xúc

C. Hành động điều khiển D. Hành động hỏi.

7. Kết cấu của bài Hịch thường gồm mấy phần?

A. 2 B. 3 C. 4 D. 5

8. Nhận xét nào đúng trong các nhận xét sau:

A. Hịch được viết bằng văn xuôi

B. Hịch được viết bằng văn vần

C. Hịch được viết bằng văn biền ngẫu

D. Hịch có thể được viết bằng văn xuôi, văn vần hoặc văn biền ngẫu.

PHẦN II: TỰ LUẬN.

1. Hãy viết một đoạn văn (Chủ đề tự chọn) trong đó có sử dụng ít nhất hai kiểu câu với một trong các hành động khuyên, thông báo hứa hẹn. (2 điểm)

2. Hãy viết bài giới thiệu tác phẩm "Hịch tướng sĩ" về các phương diện sau: tác giả, hoàn cảnh ra đời, đặc điểm của thể loại và nội dung cơ bản. (6 điểm)

ĐỀ SỐ 25

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM. (2,5 điểm)

Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:

Từng nghe: Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân
Quân điếu phạt trước lo trừ bạo
Như nước Đại Việt ta từ trước
Vốn xưng nền văn hiến đã lâu.

(*Ngữ văn 8*, tập hai)

1. Đoạn trên được trích từ tác phẩm nào, của tác giả nào?

A. *Chiếu dời đô* – Lý Công Uẩn

B. *Hịch tướng sĩ* – Trần Hưng Đạo

C. *Bình Ngô đại cáo* – Nguyễn Trãi

D. Không phải 3 văn bản trên

2. Văn bản chứa đoạn trích trên được công bố vào năm nào?

A. 1428 B. 1430 C. 1432 D. 1427

3. Văn bản trên được sáng tác trong hoàn cảnh nào?

A. Khi giặc Minh đang đô hộ nước ta

B. Sau khi quân ta đại thắng giặc Minh xâm lược

C. Trước khi quân ta phản công quân Minh xâm lược

D. Khi nghĩa quân Lam Sơn đang lớn mạnh.

4. Em hiểu: "Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân" nghĩa là gì?

A. Duy trì mọi nề nếp lễ giáo phong kiến.

B. Có lối sống đạo đức và giàu tình thương.

C. Hết lòng phục vụ vua.

D. Làm cho dân được sống ấm no, hạnh phúc.

5. Nhận định sau đây đúng hay sai?

"Bình Ngô đại cáo" được coi là bản Tuyên ngôn độc lập thứ hai của dân tộc Việt Nam từ xưa đến nay.

A. Đúng B. Sai

6. Các câu trong đoạn trích trên thuộc về lớp hành động nói nào?

A. Hành động hứa hẹn B. Hành động trình bày

C. Hành động hỏi D. Hành động bộc lộ cảm xúc

7. Phương thức biểu đạt chính của văn bản có đoạn trích trên là gì?

A. Miêu tả B. Biểu cảm C. Nghị luận D. Thuyết minh

8. Câu: "Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân
Quân điếu phạt trước lo trừ bạo"
Được dùng để thể hiện hành động nhận định. Đúng hay sai?
A. Đúng B. Sai

9. Trong các luận điểm chính để chứng minh: "Tư tưởng cốt lõi trong Bình Ngô đại cáo là yên dân trừ bạo", luận điểm nào không phù hợp?
A. Đánh đuổi quân xâm lược là điều nhân nghĩa nhất để yên dân, trừ bạo.
B. Khẳng định chân lí về chủ quyền, độc lập dân tộc cũng là khẳng định tư tưởng nhân nghĩa.
C. Muốn yên dân, phải trừ bạo, yên dân là mục dích.
D. Mối quan hệ giữa cá nhân và dân tộc về phong tục, tập quán.

10. Văn bản: Bình ngô đại cáo có nét gì sâu sắc trong tư tưởng của Nguyễn Trãi so với bài: *Sông núi nước Nam*?
A. Quan niệm về quốc gia, về dân tộc hoàn chỉnh hơn.
B. Khẳng định văn hiến và truyền thống lịch sử là yếu tố cơ bản nhất khẳng định sự tồn tại bền vững của một quốc gia độc lập.
C. Bao gồm cả 2 ý trên.

PHẦN II: TỰ LUẬN.

1. a. Hãy tìm các luận điểm chính để chứng minh rằng: Lão Hạc (trong truyện ngắn cùng tên của Nam Cao) là người nông dân bất hạnh nhưng có nhiều phẩm chất tốt đẹp.
b. Hãy chọn một trong các luận điểm để viết thành một đoạn văn. (2,5 điểm)

2. Từ bài "Bình Ngô đại cáo" "Hịch tướng sĩ" và "Chiếu dời đô". Hãy viết bài giới thiệu về 3 thể loại: Hịch, cáo, chiếu để tìm ra điểm giống và khác nhau của 3 thể loại đó.

ĐỀ SỐ 26

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM.

Đọc đoạn văn trích sau và trả lời câu hỏi. (2,5 điểm)

"Phép dạy, nhất định theo Chu Tử. Lúc đầu học tiểu học để bồi lấy gốc: Tuần tự tiến lên học đến tứ thư, ngũ kinh, chỉ sư. Học rộng rồi tóm lấy cho gọn, theo điều học mà làm. Họa may kẻ nhân tài mới lập được công, nhà nước nhờ thế mà vững yên. Đó mới thực là cái đạo ngày nay có quan hệ tới lòng người. Xin chớ bỏ qua."

(*Ngữ văn 8*, tập hai)

1. "Bàn về phép học" thuộc thể loại văn bản nào?
A. Chiếu B. Hịch C. Cáo D. Tấu

2. "Bàn về phép học" được gửi vua Quang Trung vào năm nào?
A. 1791 B. 1792 C. 1790 D. 1789

3. Phương thức biểu đạt chính của bản "Bàn về phép học" là gì?
A. Tự sự B. Miêu tả C. Nghị luận D. Thuyết minh

4. "Bàn về phép học" được trình bày bằng những luận cứ nào:
A. Bàn về mục đích của việc học B. Bàn về cách học
C. Bàn về tác dụng của phép học D. Gồm cả 3 ý trên

5. Các phép học mà Nguyễn Thiếp bàn luận đến trong đoạn văn trên là gì?
A. Học tuần tự từ đơn giản đến phức tạp
B. Học rộng, nắm gọn vấn đề cơ bản
C. Học phải áp dụng vào thực tế mà làm.
D. Gồm cả 3 ý trên

6. Đoạn văn trên trình bày luận điểm gì?
A. Phê phán cách học sai lầm
B. Việc học phải được phổ biến rộng rãi
C. Bàn về cách học
D. Ý nghĩa của việc học

7. Đoạn văn trên được triển khai theo kiểu gì?
A. Song hành B. Qui nạp C. Diễn dịch D. Tổng – phân - hợp

8. Các luận cứ trong đoạn văn trên có được sắp xếp theo một trình tự hợp lí để làm sáng rõ luận điểm hay không.
A. Có B. Không

9. Câu nào là câu chủ đề của đoạn văn trên?
A. Phép dạy, nhất định theo Chu Tử.
B. Họa may kẻ nhân tài mới lập được công, nhà nước nhờ thế mà vững yên.
C. Đó mới thực là cái đạo ngày nay có quan hệ tới lòng người
D. Không có câu chủ đề.

10. Tác giả của đoạn trích trên thường được gọi là gì?
A. Không Lộ Thiền sư B. La Sơn Phu Tử
C. Tam Nguyên Yên Đỗ D. Hải Thượng Lãn Ông.

PHẦN II: TỰ LUẬN

1. Hãy viết một đoạn văn (từ 5 – 10 câu) để trình bày luận điểm: "Cần phải học tốt các môn khoa học xã hội". (2,5 điểm)

2. Nhà văn Nguyễn Bá Học có nói: Đường đi khó, không khó vì ngăn sông cách núi mà khó vì lòng người ngại núi e sông". Em hiểu câu nói đó như thế nào? (5 điểm)

ĐỀ SỐ 27

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM. (2,5 điểm)

Trả lời các câu hỏi sau bằng cách chọn ý đúng nhất.

1. Đoạn trích "Thuế máu" thuộc kiểu văn bản nào?

A. Miêu tả B. Tự sự C. Nghị luận D. Thuyết minh

2. Trong văn bản "Thuế máu", em còn thấy đan xen của các yếu tố thuộc phương thức biểu đạt nào khác?

A. Miêu tả B. Tự sự C. Thuyết minh D. Tự sự và biểu cảm

3. Trong câu: "Ấy thế mà cuộc chiến tranh vui tươi vừa bùng nổ, thì lập tức họ biến thành những đứa "con yêu", những người "bạn hiền" của các quan cai trị phụ mẫu nhân hậu, thậm chí của cả các quan toàn quyền lớn, toàn quyền bé nữa" các cụm từ đặt trong dấu ngoặc kép được dùng với dụng ý gì?

A. Mỉa mai, châm biếm sự giả dối, thâm độc của chế độ thực dân

B. Trích dẫn lời nói trực tiếp

C. Biểu lộ ý hài hước.

D. Không biểu lộ dụng ý gì.

4. Cụm từ "chiến tranh vui tươi"trong câu văn trên (câu 3) nói về cuộc chiến tranh nào?

A. Các cuộc chiến tranh mà Pháp tiến hành để mở rộng thuộc địa

B. Cuộc Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 - 1918)

C. Cuộc Chiến tranh thế giới thứ hai (1939 – 1945)

D. Cuộc Chiến tranh Pháp – Phổ (1870 – 1871)

5. Giọng điệu chủ đạo của câu văn trên (câu 3) là gì?

A. Giọng lạnh lùng, cay độc B. Giọng đay nghiến, cay nghiệt

C. Giọng mỉa mai, châm biếm D. Giọng thân tình, suồng sã

6. Những tư liệu mà tác giả nêu ra trong đoạn trích có tính chất như thế nào?

A. Cụ thể C. Phong phú và xác thực

B. Bao gồm A và B D. Chưa toàn diện

7. Vai xã hội được xác định bằng kiểu quan hệ xã hội giữa những người tham gia hội thoại như thế nào?

A. Quan hệ trên dưới hay ngang hàng: xét theo tuổi tác thứ bậc trong gia đình, chức vụ trong xã hội...

B. Quan hệ thân – sơ: Xét theo mức độ tình cảm quen biết

C. Không xét theo quan hệ giữa những người tham gia hội thoại.

D. Bao gồm ý A và B

8. Vai xã hội thoại được thể hiện qua điều gì?

A. Qua cách xưng hô giữa những người tham gia hội thoại

B. Qua cách ứng xử, giao tiếp lịch thiệp

C. Qua cách trả lời của người tham gia giao tiếp

D. Qua cách hỏi của người tham gia giao tiếp.

9. Yếu tố biểu cảm trong văn nghị luận được bộc lộ khi nào?

A. Khi người viết cần miêu tả đối tượng

B. Khi người viết có cảm xúc và cần thiết phải bộc lộ

C. Khi người viết cần kể lại vấn đề.

D. Khi người viết cần thuyết minh đối tượng.

10. Yếu tố biểu cảm có ý nghĩa như thế nào trong văn nghị luận

A. Yếu tố biểu cảm có ý nghĩa trợ giúp cho văn nghị luận.

B. Yếu tố biểu cảm không được cản trở hay lấn át mạch nghị luận

C. Yếu tố biểu cảm không được tách rời mạch nghị luận.

D. Cả ba yếu tố trên đều đúng.

PHẦN II: TỰ LUẬN.

1. Cho luận điểm: "Những chuyến du lịch mang lại cho ta nhiều kiến thức bổ ích". Em hãy viết một đoạn văn khoảng 6 – 8 câu có sử dụng yếu tố biểu cảm. (2,5 điểm)

2. Theo em, thế nào là con ngoan, trò giỏi (5 điểm)?

ĐỀ SỐ 28

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM.

Đọc các đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi ở bên dưới:

Đoạn 1: "Biết bao hứng thú khác nhau ta tập hợp được nhờ cách ngao du thú vị ấy, không kể sức khoẻ được tăng cường tính khí trở nên vui vẻ. Tôi thường thấy những

kẻ ngồi trong các cỗ xe tốt chạy rất êm nhưng mơ màng, buồn bã, cáu kỉnh hoặc đau khổ; còn những người đi bộ lại luôn luôn vui vẻ, khoan khoái và hài lòng với tất cả. Ta hân hoan biết bao khi về đến gần nhà! Một bữa cơm đạm bạc sao mà có vẻ ngon lành thế! Ta thích thú biết bao khi lại ngồi vào bàn ăn! Ta ngủ ngon giấc biết bao trong một cái giường tồi tàn! Khi ta chỉ muốn đến một nơi nào, ta có thể phóng bằng xe ngựa trạm, nhưng khi ta muốn ngao du, thì cần phải đi bộ".

(Trích *Đi bộ ngao du – Ngữ văn 8*, tập hai)

1. Trong đoạn trích trên, tác giả đã kết hợp các phương thức biểu đạt nào?

A. Nghị luận và biểu cảm B. Nghị luận và miêu tả

C. Nghị luận và thuyết minh D. Miêu tả và tự sự.

2. Trong đoạn trích trên, tác giả đã sử dụng phương tiện gì để bộc lộ cảm xúc của mình?

A. Câu trần thuật C. Các từ ngữ giàu sắc thái biểu cảm

B. Câu cảm thán D.Câu nghi vấn dùng bộc lộ cảm xúc.

3. Những điều bổ ích của việc đi bộ ngao du được tác giả nhắc đến trong đoạn trên là gì?

A. Tiết kiệm được tiền bạc B. Sức khỏe được tăng cường

C. Tính khí trở nên vui vẻ D. Gồm ý B và C

4. Từ "đạm bạc" trong đoạn trích trên là gì?

A. Chỉ sự ăn uống cầu kì, yêu cầu cao

B. Chỉ sự ăn uống không kín đáo, không lịch sự

C. Chỉ sự ăn uống chỉ có những thức ăn cần thiết, không có những thức ăn ngon đắt tiền.

D. Chỉ sự ăn uống không chuộng nhiều, không thô tục là gì?

5. Đặc sắc nghệ thuật của đoạn trích trên.

A. Lập luận hợp lí, chặt chẽ

B. Kết hợp nhuần nhuyễn lí lẽ với các dẫn chứng lấy từ thực tiễn cuộc sống của nhà văn.

C. Giọng văn giàu cảm xúc

D. Gồm cả A, B, C

6. Thế nào là hành vi "cướp lời"?

A. Nói tranh lượt của người khác

B. Nói khi người khác đã kết thúc lượt lời của người đó.

C. Nói xen vào khi người khác yêu cầu.

D. Nói khi người khác chưa kết thúc lượt lời của người đó.

7. Trong hội thoại, khi người nói "im lặng" mặc dù đã đến lượt mình thì biểu hiện ý gì?

A. Không muốn biểu thị thái độ nhất định

B. Khi không biết nói điều gì.

C. Khi người nói đang ở tình trạng phân vân, lưỡng lự

D. Cả A, B, C đều đúng.

Đoạn 2: " Huống chi ta cùng các ngươi sinh phải thời loạn lạc, lớn gặp buổi gian nan. Ngó thấy sứ giặc đi lại nghênh ngang ngoài đường, uốn lưỡi cú diều mà xỉ mắng triều đình, đem thân dê chó mà bắt nạt tể phụ, thác mệnh Hốt Tất Liệt mà đòi ngọc lụa, để thỏa lòng tham không cùng, giả hiệu Vân Nam Vương mà thu bạc vàng, để vét của kho có hạn. Thật khác nào đem thịt mà nuôi hổ đói, sao cho khỏi tai vạ về sau!"

8. Tác giả đã kết hợp các phương thức biểu đạt nào trong đoạn văn trên?

A. Nghị luận + miêu tả B. Nghị luận + biểu cảm

C. Miêu tả + biểu cảm D. Nghị luận + tự sự

9. Cảm xúc chủ yếu của tác giả được thể hiện qua đoạn văn trên là gì?

A. Lòng căm giận và khinh bỉ bọn sứ giặc

B. Lo lắng về tai họa của non sông

C. Cảm phục các gương sáng trong lịch sử.

D. Bao gồm ý A và B

10. Tác giả đã sử dụng loại câu nào để bộc lộ cảm xúc của mình?

A. Câu nghi vấn B. Câu cảm thán

C. Câu trần thuật D. Câu cầu khiến.

PHẦN II: TỰ LUẬN.

1. Viết đoạn văn nghị luận trình bày luận điểm. (2,5 điểm)

"Hai nguồn cảm hứng chính của Vũ Đình Liên là lòng thương người và tình hoài cổ".

(Viết khoảng 6 – 8 câu, có yếu tố biểu cảm)

2. Dựa vào các bài thơ của Bác Hồ mà em đã học và đọc thêm, hãy chứng tỏ rằng: Trong thơ Bác, ánh trăng luôn tràn đầy.

ĐỀ SỐ 29

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM. (2 điểm)

Đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi bên dưới:

" Huống gì thành Đại La, Kinh đô của Cao Vương: Ở vào nơi trung tâm trời đất; được cái thế rồng cuộn hổ ngồi. Đã đúng ngôi nam bắc đông tây, lại tiện hướng nhìn ra sông dựa núi. Địa thế rộng mà bằng, đất đai cao mà thoáng. Dân cư khỏi chịu cảnh khốn khổ ngập lụt; muôn vật cũng rất mực phong phú tốt tươi. Xem khắp đất Việt ta, chỉ nơi này là thắng địa. Thật là chốn tụ hội trọng yếu của bốn phương đất nước, cũng là nơi kinh đô bậc nhất của đế vương muôn đời."

(Trích *Ngữ văn 8*, tập hai)

1. Luận điểm được trình bày trong đoạn văn trên là gì?
   A. Vẻ đẹp của thành Đại La – kinh đô cũ của Cao Vương.
   B. Đại La có địa thế rộng mà bằng, đất đai cao mà thoáng.
   C. Đại La có những ưu thế hơn hẳn kinh đô Hoa Lư
   D. Đại La có nhiều thuận lợi, xứng đáng là kinh đô bậc nhất.
2. Phương thức biểu đạt mà tác giả sử dụng trong đoạn văn trên là gì?
   A. Nghị luận + miêu tả B. Tự sự + miêu tả
   C. Nghị luận + biểu cảm D. Nghị luận + tự sự
3. Trong đoạn văn trên, câu nào là câu chủ đề?
   A. Đã đúng ngôi nam bắc đông tây, lại tiện hướng nhìn ra sông dựa núi.
   B. Xem khắp đất Việt ta, chỉ nơi này là thắng địa.
   C. Thật là chốn tụ hội trọng yếu của bốn phương đất nước, cũng là nơi kinh đô bậc nhất của đế vương muôn đời.
   D. Địa thế rộng mà bằng, đất đai cao mà thoáng.
4. Những thuận lợi của thành Đại La được nêu ở các khía cạnh nào?
   A. Vị trí địa lí
   B. Địa thế sông núi
   C. Sự thuận tiện trong giao lưu và phát triển mọi mặt
   D. Bao gồm cả 3 ý A, B, C
5. Tác dụng của việc miêu tả những thuận lợi của thành Đại La?
   A. Giúp cho việc trình bày luận điểm của tác giả chặt chẽ và lô – gic hơn.
   B. Giúp cho đoạn văn thêm dễ hiểu, do đó thu hút người đọc.
   C. Thuyết phục người đọc bằng cách giúp họ hình dung chi tiết những thuận lợi nhiều mặt của thành Đại La.
   D. Giúp người đọc hình dung được những vẻ đẹp cụ thể của thành Đại La
6. Đoạn văn trên được viết theo kiểu Qui nạp hay Diễn dịch
   A. Qui nạp B. Diễn dịch
7. Mục đích của việc lựa chọn trật tự từ trong câu là gì?

   A. Làm cho sự việc được nói đến trong câu dễ hiểu hơn
   B. Thể hiện quan điểm của người nói về sự việc được nói đến trong câu.
   C. Làm cho câu trở nên sinh động và thu hút hơn.
   D. Thể hiện tài năng của người nói.
8. Tác dụng của yếu tố miêu tả và tự sự trong văn nghị luận là gì?
   A. Giúp bài văn nghị luận dễ hiểu hơn.
   B. Giúp cho việc trình bày luận điểm, luận cứ chặt chẽ hơn.
   C. Giúp cho việc trình bày các luận điểm, luận cứ rõ ràng, cụ thể, sinh động hơn.

PHẦN II: TỰ LUẬN

1. Với câu chủ đề: "Chị Dậu có tinh thần phản kháng mãnh liệt". Hãy viết một đoạn văn triển khai chủ đề trên (chú ý sử dụng các yếu tố miêu tả, tự sự để lập luận có sức thuyết phục hơn) (2 điểm)
2. Cho các luận điểm sau, hãy thêm yếu tố biểu cảm, tự sự hoặc miêu tả thích hợp để luận điểm có thêm sức thuyết phục
   a. Cuộc đời con người có rất nhiều loại tình cảm: tình yêu, tình thầy trò, tình anh em.....nhưng thiêng liêng và cao quí nhất vẫn là tình mẫu tử. (3 điểm)
   b. Học phải luôn đi đôi với hành, không phải chỉ học để đối phó với thầy cô và thi cử. (3 điểm)

ĐỀ SỐ 30

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM. (2,5 điểm)

Trả lời các câu hỏi sau bằng cách chọn ý trả lời đúng nhất.

1. Lớp kịch: Ông Giuốc–đanh mặc lễ phục nằm ở vị trí nào trong vở kịch: "Trưởng giả học làm sang"?
   A. Mở đầu hồi II của vở kịch B. Kết thúc cả vở kích
   C. Kết thúc hồi II của vở kịch D. Kết thúc hồi III của vở kịch
2. Bộ lễ phục của Ông Giuô–đanh có đặc điểm nổi bật là gì?
   A. Hoa ngược B. Màu đen
   C. Trang nhã D. Cả A, B, C đều đúng
3. Ông Giuốc–đanh có xuất thân như thế nào?
   A. Trong một gia đình thượng lưu, quí tộc.
   B. Trong một gia đình thương nhân giàu có.
   C. Trong một gia đình trí thức
   D. Trong một gia đình nông dân.

4. "Trưởng giả học làm sang" thuộc thể loại gì?

A. Bi kịch B. Hài kịch C. Bi hài kịch D. Cả 3 ý đều sai

5. Qua thái độ của ông Giuốc–đanh đối với chiếc áo may hoa ngược, em thấy ông là một người như thế nào?

A. Dốt nát, kém hiểu biết. B. Cầu kì trong ăn mặc

C. Thích cái lạ mắt D. Hài hước và hóm hỉnh.

6. Trong câu văn sau, hiệu quả diễn đạt của trật tự từ trong câu là gì?

"Mà mưa xối xả trắng trời Thừa Thiên"

A. Nhằm thể hiện theo trình tự thời gian

B. Nhằm đảm bảo sự hài hòa về mặt ngữ âm

C. Nhằm thể hiện tài năng của người nói

D. Nhằm nhấn mạnh tầm quan trọng của mưa

Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi bên dưới.

"Nhưng lão Hạc và anh con trai không thể nào thay đổi được kiếp nghèo. Hết hạn một "công ta", anh con trai "xin tăng thêm một hạn nữa", rồi suốt cả một năm, chả có giấy má, thư từ gì cho lão Hạc. Lão Hạc muốn sống vì con, sống cho con, nhưng kiếp nghèo không buông tha lão, tiếp tục giáng lên đầu lão những đòn chí mạng. Sau một trận ốm, lão hóa trắng tay. Hoa màu trong vườn bị phá sạch sành sanh vì bão. Làm thuê để kiếm ăn thì trận ốm đã làm lão "yếu người đi ghê lắm". Làng lão lại bị mất vé sợi, có tí việc nhẹ nào đàn bà tranh nhau làm hết rồi. Lão Hạc thành ra không có việc. "Thóc cao, gạo kém sức cùng lực kiệt, lão Hạc cảm thấy cùng đường".

(*Theo* La Khắc Hòa)

7. Vấn đề cơ bản trình bày trong đoạn văn trên là gì?

A. Anh con trai lão Hạc đi đồn điền cao su

B. Mất mùa, ốm, lão Hạc không có việc làm

C. Kiếp nghèo của lão Hạc và anh con trai không thể nào thay đổi được.

D. Lão Hạc thương con

8. Phương thức biểu đạt được sử dụng trong đoạn văn trên là gì?

A. Nghị luận + miêu tả B. Nghị luận + tự sự

C. Nghị luận + biểu cảm D. Gồm cả A, B, C

9. Việc đưa yếu tố tự sự vào trong đoạn văn trên có tác dụng gì?

A. Người cung cấp dẫn chứng

B. Nhằm giúp minh họa cho lập luận có sức thuyết phục

C. Gồm A và B đều đúng

D. Gồm A và B đều sai.

10. Ở đoạn văn trên, tác giả không nhắc đến chi tiết nào?

A. Bán cậu Vàng B. Con trai đi đồn điền cao su

C. Mất mùa, bão D. Lão Hạc ốm, yếu người đi

PHẦN II: TỰ LUẬN.

1. Nhận xét của em về tính cách của ông Guốc–đanh sau khi học xong đoạn trích: "Trưởng giả học làm sang"?

(Viết đoạn văn khoảng 6–8 câu, có sử dụng yếu tố tự sự và biểu cảm) (2,5 điểm)

2. Trong thư gửi học sinh nhân ngày khai trường đầu tiên của nước Việt Nam độc lập, Bác Hồ thiết tha căn dặn:

"Non sông Việt Nam có trở nên tươi đẹp hay không, dân tộc Việt Nam có bước tới đài vinh quang để sánh vai cùng với các cường quốc năm châu được hay không, chính là nhờ một phần lớn ở công học tập của các em."

Em hiểu như thế nào về lời dạy của Bác. (5 điểm)

ĐỀ SỐ 31

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM. (2 điểm)

1. Trong chương trình lớp 8, có mấy văn bản nhật dụng?

A. Hai B. Ba C. Bốn D. Năm

2. Văn bản nào dưới đây là văn bản nhật dụng?

A. Bài toán dân số B. Hai chữ nước nhà

C. Bình Ngô đại cáo D. Khi con tu hú.

3. Văn bản nào dưới đây không phải là văn bản nhật dụng

A. Thông tin về ngày Trái Đất năm 2000 B. Ôn dịch, thuốc lá

C. Bài toán dân số D. Đi bộ ngao du

4. Phương thức biểu đạt chủ yếu trong văn bản nhật dụng. "Thông tin về ngày Trái Đất năm 2000" là gì?

A. Thuyết minh B. Tự sự C. Biểu cảm D. Miêu tả

5. Trong các câu sau, câu nào mắc lỗi diễn đạt về lô–gic

A. Mẹ đi làm còn em đi học B. Mẹ đi làm, em đi học

C. Mẹ đi làm nhưng em đi học D. Mẹ đi làm và em đi học

6. Câu văn: "Tuy trời mưa nhưng đường lầy lội" mắc lỗi diễn đạt về lô–gic. Đúng hay sai?

A. Đúng B. Sai

7. Trong các câu sau, câu nào không mắc lỗi diễn đạt về lô – gic?

A. Em thích mua xe hay xe đạp

B. Em hứa sẽ học tốt các môn Toán, Lí, Hóa và các môn Khoa học Xã hội khác.

C. Tuy nhà rất xa trường nhưng hôm nào nó cũng đến trường đúng giờ

D. Vì trời mưa nên em vẫn đi học.

8. Nguyên nhân nào thường mắc lỗi diễn đạt khi nói và viết?

A. Do không nắm vững qui tắc sử dụng ngôn ngữ

B. Do năng lực tư duy và biểu hiện tư duy bằng ngôn ngữ yếu kém

C. Do chưa hiểu vấn đề cần nói, viết

D. Bao gồm ý A và B.

PHẦN II: TỰ LUẬN

1. Hãy nêu ý kiến của em về phương pháp học tập của học sinh thời nay (Viết đoạn văn khoảng 6– 8 câu, chú ý đưa yếu tố tự sự vào đoạn văn) (3 điểm)

2. Suy nghĩ của em về những nạn nhân chất độc màu da cam. (5 điểm)

ĐỀ SỐ 32

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM. (2 điểm)

Trả lời các câu hỏi sau bằng cách chọn ý đúng nhất

1. Tác phẩm nào dưới đây không phải là tác phẩm nghị luận trung đại.

A. Chiếu dời đô B. Hịch tướng sĩ

C. Bản án chế độ thực dân Pháp D. Bình Ngô đại cáo.

2. Nhân vật trữ tình trong hai bài thơ: Ngắm trăng và Tức cảnh Pác Bó của Hồ Chí Minh là gì?

A. Là một người có tấm lòng bao dung, nhân hậu

B. Là một người có tấm lòng quên mình vì người khác

C. Là một người yêu thiên nhiên tha thiết, khát khao được sống chan hòa với thiên nhiên.

D. Là một người kiên cường, bất khuất.

3. Tác phẩm nào được sáng tác theo thể thơ ngũ ngôn?

A. Ông đồ B. Quê hương C. Nhớ rừng D. Đập đá ở Côn Lôn

4. Văn bản nào bộc lộ rõ nhất lòng căm thù giặc và ý chí quyết chiến quyết thắng của dân tộc ta?

A. Khi con tu hú B. Bàn luận về phép học

C. Chiếu dời đô D. Hịch tướng sĩ.

Cho đoạn trích:

"Tôi bật cười bảo lão: (1)

– Sao cụ lo xa quá thế? (2). Cụ còn khỏe lắm, chưa chết đâu mà sợ! (3). (4) Tội gì bây giờ nhịn đói mà để tiền lại? (5)

– Không, ông giáo ạ! (6) Ăn mãi hết đi thì đến lúc chết lấy gì mà lo liệu?(7)

5. Trong đoạn trích trên, câu nào là câu trần thuật?

A. Câu (1) B. Câu (5) C. Câu (7) D. Câu (2)

6. Trong các câu nghi vấn sau, câu nào được dùng để hỏi?

A. Sao cụ lo xa quá thế?

B. Ăn mãi hết đi thì đến lúc chết lấy gì mà lo liệu?

C. Tội gì bây giờ nhịn đói mà để tiền lại?

D. Không ông giáo ạ!

7. Câu nào dưới đây thể hiện hành động điều khiển.

A. Tôi bật cười "Sao cụ lo xa quá thế?" bảo lão.

B. Sao cụ lo xa quá thế?

C. Cụ cứ để tiền đấy mà ăn, lúc chết hãy hay!

D. Không, ông giáo ạ!

8. Trong các câu sau, câu nào có trật tự trí mang tính nhạc hơn?

A. Nhớ một buổi trưa nào, nồm nam con gió thổi, khóm tre làng <u>rung lên man mác khúc nhạc đồng quê.</u>

B. Nhớ một buổi trưa nào, nồm nam cơn gió thổi, khóm tre làng <u>rung lên khúc nhạc đồng quê man mác.</u>

C. Nhớ một buổi trưa nào, nồm nam cơn gió thổi, khóm tre làng <u>man mác rung lên khúc nhạc đồng quê.</u>

9. Trong các tình huống sau, tình huống nào có thể và cần phải viết văn bản tường trình?

A. Em làm vỡ cửa kính của lớp trong giờ thực hành

B. Một số học sinh nói chuyện riêng trong giờ học.

C. Gia đình em bị kẻ gian đột nhập lấy trộm tài sản.

D. Bao gồm văn bản A và C

10. Khi viết văn bản tường trình phải tuân thủ những yêu cầu nào sau đây?

A. Tuân thủ thể thức, trình bày đầy đủ, chính xác thời gian, địa điểm, sự việc

B. Họ tên những người liên quan cùng đề nghị của người viết

C. Có đầy đủ người gửi, người nhận, ngày tháng năm, địa điểm

D. Bao gồm cả 3 ý A, B, C

PHẦN II: TỰ LUẬN.

1. Hãy viết 1 văn bản tường trình về việc hỏng thiết bị điện ở phòng học lớp em. (2 điểm)

2. Hãy nói "không" với các tệ nạn xã hội. (6 điểm)

ĐỀ SỐ 33

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM. (2,5 điểm)

Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi bên dưới

" Thoáng thấy mẹ về đến cổng, thằng Dần mừng nhảy chân sáo

– U đi đâu mà từ lúc non trưa đến giờ? Có mua được gạo hay không? Sao u lại về không thế?

Cái Tí ở trong bếp sa sả mắng ra:

– Đã bảo u không có tiền, lại cứ lằng nhằng nói mãi. Mày tưởng người ta dám bán chịu cho nhà mày hay sao? Thôi! Khoai chín rồi đây, để tôi đổ ra cho ông xơi, ông đừng làm tội u nữa.

(Ngô Tất Tố)

1. Phương thức diễn đạt chính trong đoạn trích trên là gì?

A. Tự sự B. Miêu tả C. Nghị luận D. Thuyết minh

2. Ngô Tất Tố là tác giả của văn bản nào đã học?

A. Lão Hạc B. Tức nước vỡ bờ C. Trong lòng mẹ D. Tôi đi học

3. Trong đoạn trích trên, có mấy từ láy?

A. Một B. Ba C. Hai D. Bốn

4. Câu văn: "Thoáng thấy mẹ về đến cổng, thằng Dần mừng nhảy chân sáo" thuộc kiểu câu gì?

A. Câu cảm thán B. Câu nghi vấn C. Câu cầu khiến D. Câu trần thuật

5. Câu: "Mày tưởng người ta dám bán chịu cho nhà mày hay sao?" có phải là câu phủ định bác bỏ hay không?

A. Đúng B. Sai

6. Câu văn nào sau đây thể hiện hành động hỏi?

A. U có mua được gạo hay không?

B. Cái Tí ở trong bếp sa sả mắng ra:

C. Đã bảo u không có tiền, lại cứ lằng nhằng nói mãi.

D. Thôi!

7. Câu: "Khoai chín rồi đây, để tôi đổ ra cho ông xơi, ông đừng làm tội u nữa." thể hiện hành động nói nào?

A. Hành động trình bày B. Hành động điều khiển

C. Hành động hứa hẹn D. Hành động hỏi.

8. Câu: "Sao u lại về không thế?" có thể hiện hành động bộc lộ cảm xúc không?

A. Có B. Không

9. Tình huống nào dưới đây cần viết văn bản thông báo?

A. Một học sinh làm mất xe đạp, cần báo cáo với công an

B. Nhà trường tổ chức buổi lao động cuối năm.

C. Một học sinh mắc khuyết điểm

D. Em muốn xin nghỉ học một ngày

10. Yêu cầu về nội dung và hình thức của một văn bản thông báo là gì?

A. Trang trọng, rõ ràng, sáng sủa, đầy đủ. B. Trung thực, trang trọng

C. Cẩn thận, rõ ràng D. Rõ ràng, trung thực

PHẦN II: TỰ LUẬN.

1. Cái "ngông" của Tản Đà thể hiện như thế nào trong bài thơ "Muốn làm thằng Cuội?" Ý nghĩa của cái "ngông" ấy là gì.

(Viết đoạn văn từ 6 – 8 câu) (2,5 điểm)

2. Qua "Chiếu dời đo" của Lí Công Uẩn, "Hịch tướng sĩ" của Trần Quốc Tuấn, đoạn trích "Bình Ngô đại cáo" của Nguyễn Trãi, tinh thần yêu nước, tự hào dân tộc được thể hiện như thế nào? (5 điểm)

ĐỀ SỐ 34

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM. (2,5 điểm)

Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi bên dưới.

" Vậy nên:

Lưu Cung tham công nên thất bại

Triệu Tiết thích lớn phải tiêu vong

Cửa Hàm Tử bắt sống Toa Đô

Sông Bạch Đằng giết tươi Ô Mã"

(Trích *Ngữ văn 8*, tập hai)

1. Đoạn trích sau sử dụng phương thức biểu đạt nào?

A. Nghị luận + miêu tả B. Nghị luận + tự sự

C. Miêu tả + tự sự D. Nghị luận + thuyết minh

2. Đoạn trích trên thuộc văn bản nghị luận trung đại. Đúng hay sai?

A. Đúng B. Sai

3. Tác phẩm nào dưới đây không thuộc văn bản nghị luận trung đại?

A. Bình Ngô đại cáo B. Hịch tướng sĩ

C. Chiếu dời đô D. Ý nghĩa văn chương

4. Các câu trong đoạn trích trên được dùng để thể hiện hành động kể. Đúng hay sai?

A. Đúng B. Sai

5. Nét giống nhau của 3 thể loại: Hịch, Cáo, Chiếu là gì?

A. Đều được viết theo thể văn nghị luận.

B. Đều được viết bằng văn biền ngẫu

C. Đều lồng các yếu tố miêu tả, tự sự, biểu cảm.

D. Gồm cả 3 ý trên.

6. Điểm khác biệt nổi bật nhất giữa văn nghị luận trung đại với văn nghị luận hiện đại là gì?

A. Văn nghị luận trung đại phải viết theo một bố cục đã thành khuôn mẫu

B. Văn nghị luận trung đại thường được viết bằng văn biền ngẫu.

C. Nghị luận trung đại có lập luận chặt chẽ, sắc sảo.

D. Bao gồm ý A và B

Cho câu trích sau, đọc kĩ rồi trả lời các câu hỏi 7 và 8.

"Mẹ tôi vừa kéo tay tôi, xoa đầu tôi hỏi, thì tôi oà lên khóc rồi cứ thế nức nở (1). Mẹ tôi cũng sụt sùi theo(2)

– Con nín đi! (3) Mợ đã về với các con rồi mà! (4)"

(Trích *Ngữ văn 8*, tập hai)

7. Câu (3) trong đoạn trích trên thuộc kiểu câu gì?

A. Câu cảm thán B. Câu cầu khiến

C. Câu nghi vấn D. Câu trần thuật

8. Từ "mợ" trong đoạn trích trên có phải là từ địa phương không?

A. Có B. Không

9. Trong tình huống: nhà trường chuẩn bị tổ chức buổi lao động cuối năm, các lớp cần biết được kế hoạch trên." ta phải sử dụng loại văn bản nào?

A. Báo cáo B. Tường trình C. Thông báo D. Đề nghị

10. Mục nào dưới đây không có trong văn bản thông báo?

A. Nơi gửi B. Tên văn bản

C. Bình luận về nội dung thông báo D. Quốc hiệu, tiêu ngữ.

PHẦN II: TỰ LUẬN

1. So sánh với bài thơ *Nam quốc sơn hà* thì đoạn *Nước Đại Việt ta* trong *Bình Ngô đại cáo* có gì kế thừa và phát triển ở quan niệm về chủ quyền và quốc gia dân tộc. (2 điểm)

2. Hãy chứng minh rằng: Nhiều bài thơ em đã học như: *Cảnh khuya, Rằm tháng giêng, Ngắm trăng* của Hồ Chủ tịch, *Khi con tu hú* của Tố Hữu, *Quê hương* của Tế Hanh đã biểu hiện rõ tình cảm thiết tha của các nhà thơ đối với thiên nhiên, đất nước. (6 điểm)

ĐỀ SỐ 35

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM. (2,5 điểm)

Đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi bên dưới.

" Vì sao vậy? Giặc với ta là kẻ thù không đội trời chung, các ngươi cứ điềm nhiên không biết rửa nhục, không lo trừ hung, không dạy quân sĩ; chẳng khác nào quay mũi giáo mà chịu đầu hàng, giơ tay không mà chịu thua giặc. Nếu vậy, rồi đây sau khi giặc giã dẹp yên? Muôn đời để thẹn, há còn mặt mũi nào đứng trong trời đất nữa? Ta viết bài hịch này để các ngươi biết bụng ta."

(*Ngữ văn 8*, tập hai)

1. Đoạn văn trên được viết theo phương thức biểu đạt nào?

A. Tự sự B. Miêu tả C. Biểu cảm D. Nghị luận

2. Đoạn văn trên được trích trong một tác phẩm nghị luận trung đại. Đúng hay sai?

A. Đúng B. Sai

3. Câu "Vì sao vậy?" thực hiện mục đích nói nào?

A. Trình bày B. Hỏi C. Hứa hẹn D. Điều khiến

4. Qua câu: "Ta viết bài hịch này để các ngươi biết bụng ta" ta thấy Trần Quốc Tuấn là vị anh hùng dân tộc như thế nào?

A. Một vị anh hùng dân tộc có tâm hồn cao đẹp, lòng yêu nước sâu sắc.

B. Một vị anh hùng có lòng căm thù giặc mãnh liệt, tấm lòng với các tướng sĩ vừa chân tình, vừa sâu sắc.

C. Một vị anh hùng có trí tuệ sắc sảo với sự hiểu biết tâm lí con người, có nghệ thuật tác động, khích lệ rất tài tình.

D. Bao gồm cả 3 ý A, B, C trên.

5. Đoạn văn trên thuộc thể loại văn bản nào?

A. Cáo B. Hịch C. Chiếu D. Không thuộc 3 loại trên.

Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:

"Lão cố làm ra vẻ vui vẻ. Nhưng trông lão cười như mếu và đôi mắt lão ầng ậc nước, tôi muốn ôm choàng lấy lão mà oà lên khóc. Bây giờ thì tôi không xót xa năm quyển sách của tôi quá như trước nữa. Tôi chỉ ái ngại cho lão. Tôi hỏi cho có chuyện:

– Thế nó cho bắt à?

Mặt lão đột nhiên co rúm lại. Những vết nhăn xô lại với nhau, ép cho nước mắt chảy ra. Cái đầu lão ngoẹo về một bên và cái miệng móm mém của lão mếu như con nít. Lão hu hu khóc..."

(*Ngữ văn 8*, tập một)

6. Đoạn trích trên có sự kết hợp của các yếu tố nào?

A. Miêu tả + tự sự B. Nghị luận + miêu tả

C. Thuyết minh + tự sự D. Biểu cảm + thuyết minh

7. Nội dung chính của đoạn: "Mặt lão đột nhiên co rúm lại.. Lão hu hu khóc.", là gì?

A. Sự khổ cực của lão Hạc

B. Sự yếu đuối của lão Hạc

C. Sự đau đớn về tinh thần của lão Hạc

D. Sự già nua của lão Hạc

8. Nhân vật xưng "tôi" trong đoạn trích trên là ai?

A. Binh Tư B. Vợ ông giáo C. Lão Hạc D. Ông giáo

9. Tình huống nào sau đây không phải viết văn bản thông báo?

A. Bạn A bị mất cắp xe đạp

B. Trường THCS B tổ chức tuyển sinh lớp dạy nghề.

C. Bạn liên đội trưởng viết bản công tác tháng cho cô tổng phụ trách.

D. Không có tình huống nào.

10. Câu: "Lão hu hu khóc" thuộc kiểu câu nào?

A. Câu nghi vấn B. Câu trần thuật C. Câu cảm thán D. Câu cầu khiến

PHẦN II: TỰ LUẬN

1. Cho câu chủ đề sau:

"Em quên sao được kỉ niệm ngày đầu tiên đi học năm lớp Một". Hãy viết tiếp câu chủ đề trên trong một đoạn văn diễn dịch khoảng 10 đến 12 câu. (Chú ý sử dụng yếu tố biểu cảm và miêu tả) (2,5 điểm)

2. Hãy viết bài giới thiệu về tác giả, hoàn cảnh ra đời và làm sáng tỏ nội dung: "Nước Đại Việt" ta là áng văn tràn đầy lòng tự hào dân tộc. (5 điểm)

PHẦN II. GỢI Ý TRẢ LỜI CÁC ĐỀ KIỂM TRA

ĐỀ SỐ 1.

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM. (Mỗi câu đúng 0,2 điểm)

Câu	Chọn	Câu	Chọn	Câu	Chọn	Câu	Chọn	Câu	Chọn
1	B	3	D	5	C	7	B	9	C
2	A	4	B	6	B	8	B	10	C

PHẦN II: TỰ LUẬN

Câu 1: Chủ đề: Ý nghĩa của buổi tựu trường đầu tiên đối với mỗi người. (0,5 điểm)

Yêu cầu: phải có suy nghĩ, rung cảm riêng của từng cá nhân

– Cả hai văn bản "Cổng trường mở ra" và "Tôi đi học" đều giàu chất trữ tình, thể hiện ý nghĩa thiêng liêng của buổi tựu trường.

– Vai trò to lớn của nhà trường đối với mỗi con người (Viết đoạn văn thể hiện rõ chủ đề, mạch lạc, ngôn ngữ súc tích: 2 điểm, thể hiện rõ tính thống nhất về chủ đề.)

Câu 2: Yêu cầu:

– Nhận định: truyện ngắn tôi đi học đã thể hiện một cách xúc động tâm trạng hồi hộp, cảm giác bỡ ngỡ của nhân vật "tôi"

– Lần lượt phân tích diễn biến tâm trạng nhân vật tôi từ đầu đến cuối truyện theo trình tự: thời gian, không gian.

+ Buổi sớm mai trên con đường làng

+ Đứng giữa sân trường nghe hồi trống vang lên, nghe ông đốc gọi tên, dặn dò.

+ Khi thầy giáo tư đưa vào lớp

ĐỀ SỐ 2.

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM. (Mỗi câu đúng 0,25 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7
Chọn	B	A	A	C	B		C

Câu 6. (0,5 điểm)

Các từ	Trường từ vựng
a. Hoài nghi b. Khinh miệt c. Tình yêu thương d. Lòng kính mến	A. Trạng thái tình cảm B. Trạng thái tâm lí

Câu 7: (mỗi câu điền đúng: 0,25 điểm)

A:. . . . . sự tổ chức các đoạn văn thể hiện chủ đề

B:. . . . .nêu ra chủ đề của văn bản

C: . . . . trình bày theo một thứ tự tùy thuộc vào kiểu văn bản, chủ đề, ý đồ giao tiếp của người viết.

D:. . . . . tổng kết chủ đề của văn bản.

PHẦN II: TỰ LUẬN

Câu 1: (2 điểm)

– Yêu cầu: thể hiện năng lực cảm thụ của cá nhân, phát huy những suy nghĩ, rung động, đồng cảm với dòng văn thiết tha, giàu cảm xúc.

– Chú ý: ở dạng các từ ngữ thuộc trường từ vựng chỉ tình cảm của con người: dỗi hờn, hạnh phúc, mãn nguyện, sung sướng, rạo rực.

– Khẳng định đây là bài ca chân thành và cảm động về tình mẫu tử thiêng liêng, cảm động.

Câu 2: (5 điểm)

– Tâm địa độc ác của người cô: mỉa mai, xúc phạm người mẹ bất hạnh, đáng thương, cố tình khơi vào nỗi đau đớn và tình cảm éo le của mẹ con chú bé.

⇒ Càng tỏ ra cay nghiệt, thâm hiểm, không muốn buông tha chú bé.

– Diễn biến những ý nghĩ cảm xúc của chú bé Hồng khi trả lời cô:

+ Cần bám sát vào văn bản để phân tích các phản ứng tâm lí, các cảm giác, tâm trạng của chú bé.

+ Tâm trạng đau đớn, uất ức của chú bé dâng lên đến cực điểm khi nghe người cô tươi cười kể về tình cảnh tội nghiệp của mẹ mình.

+ Các chi tiết trong văn bản đã thể hiện lòng căm tức tột cùng.

ĐỀ SỐ 3.

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM. (Mỗi câu đúng được 0,25 điểm)

Câu	Chọn	Câu	Chọn	Câu	Chọn	Câu	Chọn	Câu	Chọn
1	D	3	B	5	D	7	B	9	B
2	B	4	D	6	A	8	A	10	B

PHẦN II: TỰ LUẬN

Câu 1: (2,5 điểm)

– Khi miêu tả cai lệ, tập trung miêu tả chi tiết: thét, quát, chạy sầm sập, bịch vào ngực chị Dậu, tát. . .

⇒ Thể hiện sự vũ phu, thô bạo đến tàn nhẫn.

– Tên cai lệ xuất hiện như là một công cụ của xã hội bất nhân:

+ Ngôn ngữ và hành động của tên cai lệ khiến anh Dậu: "lăn đùng ra đó, không nói được câu gì"

+ Sự thảm thương đó không làm hắn xúc động

+ Bằng lí lẽ của mình, chị Dậu không thể khiến tên cai lệ đổi ý.

+ Hắn đã mất mọi cảm nhận, ý thức của một con người.

Câu 2: (5 điểm)

1. Câu nhận xét của Nguyễn Tuân:

a. "Đồng lúa ngày xưa" thời Pháp thuộc ở nông thôn Việt Nam. "Cái tối giời tối đất": đen tối, lầm than.

b. Hiện lên một cái chân dung lạc quan của chị Dậu:

Cần đi sâu phân tích và chứng minh: đảm đang, chống chọi lại cảnh ngộ bi thảm (thiếu sưu, chồng bị đánh) dũng cảm. Chống lại bọn cai lệ, tên hầu cận lí trưởng, giữ trọn được phẩm cách trong sạch của mình.

2. Kiểu bài: Chứng minh – phân tích nhân vật theo hai luận điểm đã nêu ở mục 1 (a và b)

ĐỀ SỐ 4.

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM.

Câu	Chọn	Câu	Chọn	Câu	Chọn	Câu	Chọn	Câu	Chọn
1	A	3	C	5	D	7	B	9	A
2	B	4	D	6	D	8	D	10	A

PHẦN II: TỰ LUẬN

1. Nỗi khốn khổ của lão Hạc được miêu tả theo chiều tăng tiến.

– Nghèo: không đủ tiền cưới vợ cho con, con phẫn chí bỏ đi đồn điền cao su.

– Thu vén hoa lợi vườn để dành cho con, ai ngờ ốm một trận, số tiền chắt chiu hết sạch.

– Bán cả cậu Vàng – kỉ vật của con – người bầu bạn vì nuôi tốn quá

– Lão không làm ra tiền, không dám ăn vào tiền của con, đành ăn củ khoai, củ dáy...

⇒ Lão sẵn sàng nhận cái chết vì con. Lão Hạc chọn ăn bả chó, một cái chết đau đớn ⇒ tự trừng phạt .

2. Học sinh tự kể được.

ĐỀ SỐ 5.

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM

Câu	Chọn	Câu	Chọn	Câu	Chọn	Câu	Chọn	Câu	Chọn
1	B	3	B	5	D	7	D	9	C
2	C	4	A	6	D	8	A	10	D

PHẦN II: TỰ LUẬN

1. a. Từ toàn dân: thuyền

Từ địa phương: ghe

b. Học sinh tự phân tích .

– Chú ý: khi nói về dân địa phương, tác giả muốn nhấn mạnh tính địa phương.

2. Tóm tắt tác phẩm lão Hạc (Học sinh tự tóm tắt)

3. Phân tích nhân vật Lão Hạc trong tác phẩm cùng tên của Nam Cao

a. Mở bài:

– Giới thiệu Nam Cao, đề tài trong sáng tác của ông

– Lão Hạc là truyện ngắn đặc sắc của Nam Cao viết về cuộc đời cô đơn và cái chết đầy thương tâm của một lão nông với tính nhân đạo bao la.

b. Thân bài.

– Lão Hạc là một nông dân nghèo khổ, bất hạnh

– Lão Hạc là một lão nông chất phác, hiền lành, nhân hậu.

– Lão Hạc tuy nghèo khổ nhưng trong sạch và giàu lòng tự trọng

c. Kết bài.

– Tổng hợp lại cuộc đời và phẩm chất lão Hạc.

– Nghệ thật miêu tả và thái độ của Nam Cao

– Khẳng định giá trị nhân đạo.

ĐỀ SỐ 6.

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Chọn	B	A	E	(1 – d; 2 – a; 3 – b; 4 - c)	C	D	A	C	B	A

PHẦN II: TỰ LUẬN

1. Chú ý miêu tả cảm xúc của em, người thân bằng những câu kể, câu cảm thán.

2. Giấc mơ thứ tư là giấc mơ xúc động nhất. (kể lại giấc mơ thứ tư)

Qua giấc mơ, tác giả đã cảm thông, trân trọng, ca ngợi những ước mơ hoặc bình dị, hoặc kì diệu của tuổi thơ.

⇒ Vẻ đẹp nhân văn của câu chuyện.

ĐỀ SỐ 7.

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9
Chọn	C	D	B	C	D	B	C	D	B

PHẦN II: TỰ LUẬN

2. a. Mở bài: Giới thiệu buổi sum họp và các thành viên trong gia đình

b. Thân bài:

+ Bố em đọc báo   + Bà em ngồi xem ti vi

+ Em nhổ tóc sâu cho mẹ+   Bé ngồi trong lòng ông.

⇒ Miêu tả và biểu cảm hợp lí

c. Kết thúc giờ sinh hoạt buổi tối vui vẻ, mọi người đi ngủ cảm nghĩ của em.

ĐỀ SỐ 8.

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Chọn	D	C	C	A	C	C	B	D

PHẦN II: TỰ LUẬN

2. Thân bài:

– Lí do xất hiện của con vật nuôi

– Thái độ của bố mẹ

– Hình ảnh con vật nuôi

– Kỉ niệm đáng nhớ, (biểu cảm)

ĐỀ SỐ 9.

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Chọn	D	D	A	D	B	D	C	B	C	A

PHẦN II: TỰ LUẬN

2. a. Mở bài: Giới thiệu việc định kể.
   b. Thân bài: Thời gian, hoàn cảnh xảy ra sự việc
   - Diễn biến
   - Kết quả
   c. Kết quả: Suy nghĩ của em sau sự việc này.

ĐỀ SỐ 10.

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Chọn	A	B	E	C	D	D	B	A

ĐỀ SỐ 11.

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Chọn	C	B	A	D	B	A	A	D	C	A

PHẦN II: TỰ LUẬN

2. Lưu ý:
   - Ngôi thứ 2
   - Phương thức tự sự
   - Chú ý miêu tả lão Hạc, ông giáo trong cảnh lão Hạc kể chuyện bán chó
   - Kết hợp cảm xúc bản thân.

ĐỀ SỐ 12.

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Chọn	B	D	D	A	A	A	D	B

PHẦN II: TỰ LUẬN

Thuyết minh về chiếc nón lá Việt Nam

a. Mở bài: giới thiệu về chiếc nón
   - Công dụng truyền thống
   - Đặc trưng nổi bật.

b. Thân bài:
   - Cấu tạo của chiếc nón   – Các làm
   - Công dụng   – Cách sử dụng

c. Kết bài: Đánh giá, nhận xét của em.

ĐỀ SỐ 13.

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Chọn	C	D	C	C	C	D	B	B	A	A

PHẦN II: TỰ LUẬN

Thuyết minh về áo dài Việt Nam.

Để làm được bài, em cần:
- Tìm hiểu lịch sử của áo dài Việt Nam qua các thời kì
- Quan sát để giới thiệu hình dáng, đặc điểm của áo dài.
- Vẻ đẹp của nó (dáng vẻ, giúp biểu hiện tính cách người mặc)
- Áo dài Việt Nam dưới con mắt bạn bè thế giới

ĐỀ SỐ 14.

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM

Câu	1	2	3	4	5
Chọn	B	D	A	A	A

PHẦN II: TỰ LUẬN

Thuyết minh về chiếc bút bi.

a. Mở bài: Giới thiệu về chiếc bút bi: Sự xuất hiện của chiếc bút bi, đặc trưng nổi bật của chiếc bút bi.

b. Thân bài:
   + Cấu tạo của chiếc bút bi: vỏ – ruột – ngòi bút.
   + Các loại bút bi.
   + Những tiện lợi trong việc sử dụng bút bi: không phải bơm mực, viết trơn, tốc độ nhanh...
   + Cách bảo quản bút bi.

c. Kết bài: Đánh giá, nêu nhận xét của em về chiếc bút bi

ĐỀ SỐ 15.

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Chọn	A	C	C	B	C	B	C	B	E	D

PHẦN II: TỰ LUẬN

1. Nét giống nhau giữa hai bài:

– Đều là tâm trạng của bậc anh hùng khi lỡ bước

– Giọng thơ hào hùng, thể hiện tư thế hiên ngang, lẫm liệt

– Tư thế con người cao đẹp sánh với trời đất, chí anh hùng của họ là chí của những người muốn dời non lấp biển, sẵn sàng chấp nhận mọi hiểm nguy vì việc lớn.

2. Giới thiệu tác phẩm *Tắt đèn* (Ngô Tất Tố)

a. Mở bài: Giới thiệu Ngô Tất Tố và hoàn cảnh ra đời của tác phẩm.

b. Thân bài: Giới thiệu đặc điểm nổi bật của tác phẩm.

– Tóm tắt cốt truyện

– Đặc điểm chung:

+ Hiện thực về nông thôn Việt Nam trước Cách mạng tháng 8 – 1945

+ Cuộc sống và bản chất người nông dân

+ Bộ mặt gian ác của bọn thống trị ở nông thôn

– Đặc điểm nghệ thuật:

+ Xây dựng được nhiều nhân vật điển hình

+ Kết cấu chặt chẽ, nhiều tình huống bất ngờ, hấp dẫn.

c. Kết bài: Tác phẩm tiêu biểu của nền văn học hiện thực trước cách mạng tháng 8 – 1945

ĐỀ SỐ 16.

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Chọn	A	C	A	B	D	A	C	(a-3; b-1; c-2; d-5; e-4)	B	D

PHẦN II: TỰ LUẬN

1. Nét mới trong thơ Đường luật Tản Đà.

– Cảm xúc mãnh liệt, phóng khoáng, bay bổng, sâu lắng, thiết tha

– Ngôn ngữ giản dị, gần gũi lời ăn tiếng nói bình thường

– Chi tiết thơ gợi cảm, bất ngờ.

– Nguyên tắc thơ Đường luật vẫn đảm bảo những tự nhiên.

2. Gợi ý:

Truyện trung đại ra đời trong thời kì nào?

– Phương thức biểu đạt, chữ viết của nguyên tác?

– Nội dung? Mang tính chất gì (minh họa)

– Nghệ thuận: + hư cấu (minh họa)

+ gắn với kí, sử (minh họa)

– Tính đơn giản của truyện (minh họa)

– Nhân vật xây dựng ra sao?

– Giá trị của truyện trung đại với ngày nay?

ĐỀ SỐ 17.

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM

Câu	Chọn	Câu	Chọn	Câu	Chọn	Câu	Chọn	Câu	Chọn
1	B	3	D	5	A	7	D	9	A
2	B	4	A	6	B	8	Thú	10	A

PHẦN II: TỰ LUẬN. Gợi ý

1. Song thất lục bát là thể loại phù hợp với việc diễn tả tâm trạng u buồn, sầu thảm hay nỗi oán thán, căm hờn.

ĐỀ SỐ 18.

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Chọn	B	C	A	D	C	C	D	A	C	C

PHẦN II: TỰ LUẬN. Gợi ý

1. Dựa vào bài: Viết đoạn văn trong văn bản thuyết minh để viết.

2. a. Mở bài: Giới thiệu hiệu sách tự chọn.

b. Thân bài:

– Giới thiệu gian hàng: bày biện, phân loại sách

– Hoạt động của hiệu sách

c. Kết bài: Suy nghĩ, đánh giá về hiệu sách tự chọn

ĐỀ SỐ 19.

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Chọn	C	B	A	A	A	D	D	C	A	D

PHẦN II: TỰ LUẬN. Gợi ý

1. Câu thơ cho thấy:

– Lúc nào quê hương cũng in sâu trong tâm trí nhà thơ.

– Câu thơ có vẻ đẹp giản dị như lời nói ngày thường. Nhưng phải yêu quê hương đến mức nào mới có thể nói như thế.

2. Có thể tùy chọn 1 trò chơi nào đó mà mình am hiểu để tập thuyết minh. Cần tập trung làm nổi bật các ý sau:

– Đồ chơi (nên qua cấu tạo nếu thấy cần)

– Người chơi

– Không gian và thời gian chơi

– Luật chơi

– Tác dụng của trò chơi.

ĐỀ SỐ 20.

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Chọn	B	C	A	C	A	C	D	A	A	A

PHẦN II: TỰ LUẬN.

2. Gợi ý

– Tên trường, ngày thành lập, vị trí, diện tích

– Lịch sử phát triển của ngôi trường

– Các khu vực của trường

– Số lượng học sinh, các khối lớp.

– Thành tích của trường qua các năm.

ĐỀ SỐ 21.

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Chọn	B	C	C	A	D	B	C	B	A	C

PHẦN II: TỰ LUẬN.

2. Chú ý tập trung các vấn đề sau:

– Nguyên liệu để chế biến món ăn

– Những cách thức đặc biệt (tẩm, ướp, nướng...) để xử lí các nguyên liệu. Đây là bí quyết tạo hương vị cho món ăn.

– Cách thưởng thức món ăn: Các gia vị ăn kèm, thời điểm ăn...

ĐỀ SỐ 22.

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Chọn	A	D	D	C	D	D	C	D	D	B

PHẦN II: TỰ LUẬN.

1. Có hai cách hiểu.

– Cách 1: Chủ thể của "sẵn sàng" là con người ⇒ dù phải tồn tại trong hoàn cảnh khó khăn nhưng tinh thần không vì thế mà buông xuôi.

– Cách 2: Chủ thể của "sẵn sàng" là "cháo bẹ, rau măng" (sẵn sàng: nhiều, dư dả, dư thừa) ⇒ ẩn hiện một nụ cười hóm hỉnh, đùa nghịch vui vẻ.

⇒ Bản lĩnh, khả năng chiến thắng mọi thử thách của hoàn cảnh.

ĐỀ SỐ 23.

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Chọn	B	A	D	D	B	D	B	A

PHẦN II: TỰ LUẬN.

1. Đây là ý kiến chính xác:

– Đất nước Đại Việt lớn mạnh, loạn cát cứ đã bị dập tan, đất nước đủ sức sánh ngang với các triều đại phương Bắc.

– Khi hướng đến 1 kinh đô mới, rộng lớn, đẹp đẽ là khi cả dân tộc có nguyện vọng đất nước cường thịnh, thống nhất muôn đời bền vững.

2. Nên chọn lễ hội ở gần nơi em ở để có điều kiện tham quan, tìm hiểu, ghi chép. Phải sưu tầm thêm tư liệu, sách báo về lễ hội đó.

ĐỀ SỐ 24.

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Chọn	A	C	D	A	D	B	C	D

PHẦN II: TỰ LUẬN.

2. Dựa vào kiến thức về bài Hịch đã học, kết hợp cùng phương pháp thuyết minh về 1 thể loại văn học để làm.

ĐỀ SỐ 25.

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Chọn	C	D	B	D	A	B	C	A	D	C

PHẦN II: TỰ LUẬN.

2. Gợi ý:

– Giống: + Cả 3 loại văn bản nhằm ban bố công khai là lời của bề trên nói với kẻ dưới.

+ Đều là thể văn nghị luận, kết cấu chặt chẽ, lập luận sắc bén, có thể viết bằng văn xuôi, văn vần hoặc văn biền ngẫu.

+ Chiếu: Dùng để ban bố mệnh lệnh

+ Hịch: dùng để kêu gọi, cổ vũ, thuyết phục nhằm mục đích khích lệ tinh thần, tình cảm.

+ Cáo: được vua chúa dùng để trình bày một chủ trương, chính sách hoặc công bố kết quả một sự nghiệp để mọi người cùng biết.

ĐỀ SỐ 26.

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Chọn	D	A	C	D	D	C	D	A	A	B

PHẦN II: TỰ LUẬN.

2. Gợi ý:

a. Mở bài: Giới thiệu xuất xứ của luận đề.

b. Thân bài:

+ Giải thích từ ngữ: sông, núi

+ Giải thích ý nghĩa câu nói: Con người cần phải có ý chí, quyết tâm, nghị lực để vượt qua thử thách trên đường đời.

+ Minh họa bằng một số dẫn chứng

c. Kết bài: Ý kiến trên là một bài học cho thế hệ trẻ.

ĐỀ SỐ 27.

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Chọn	C	D	A	B	C	C	C	A	B	D

PHẦN II: TỰ LUẬN.

2. Gợi ý: Hệ thống câu hỏi để tìm luận cứ:

– Con ngoan, trò giỏi, có vị trí như thế nào trong mục đích rèn luyện của người học sinh (luận điểm chính cần xác định)

– Thế nào là con người.

– Những biểu hiện cụ thể của người con ngoan?

– Thế nào là trò giỏi.

– Những biểu hiện cụ thể của người trò giỏi là gì?

– Mối quan hệ của hai phẩm chất này trong học sinh là thế nào?

– Muốn trở thành con ngoan, trò giỏi, em phải phấn đấu ra sao?

Dựa vào đó xây dựng hệ thống luận điểm, luận cứ cho từng vấn đề.

ĐỀ SỐ 28.

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Chọn	A	B	D	C	D	D	D	B	D	B

PHẦN II: TỰ LUẬN.

1. Hai nguồn cảm hứng chính của Vũ Đình Liên là lòng thương người và tình hoài cổ.

+ Người thương những kẻ thân tàn ma dại, nhớ cảnh cũ người xưa ⇒ Ông đồ

+ Ông đồ năm năm lại đến ngồi viết thuê bên đường phố khi đến mùa hoa đào. ("Ông chính là cái di tích tiều tụy, đáng thương của một thời tàn" lời Hoài Thanh).

+ Bài thơ bình dị và cảm động.

ĐỀ SỐ 29.

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Chọn	D	A	C	D	C	A		C

PHẦN II: TỰ LUẬN.

1. Gợi ý: dùng các yếu tố tự sự, miêu tả để viết đoạn văn.

"Vì yêu thương chồng con, chị Dậu đã nhẫn nhục chịu đựng. Và cũng vì yêu thương chồng con, chị Dậu đã phản kháng mãnh liệt.

Khi tên cai lệ đấm vào ngực chị và sấn đến trói anh Dậu, chị đã chống cự quyết liệt. Từ vị thế nhẫn nhịn của kẻ dưới, chị đã thoát nâng ngang hàng với kẻ xưa nay vẫn đè đầu cưỡi cổ mình: "Chồng tôi đau ốm, ông không được phép hành hạ" câu nói của chị rất cứng rắn mà vẫn đủ lí đủ tình. Nhưng kẻ ác thường không biết chùn tay. Tên cai lệ cứ sấn tới đánh chị và nhảy vào định lôi anh Dậu. Tức thì, chị cảnh cáo đanh thép: "Mày trói ngay chồng bà đi, bà cho mày xem". Cùng với lời nói ấy là hành động phản kháng dữ dội: "Rồi chị túm lấy cổ áo hắn, ấn dúi ra cửa". Còn tên người nhà lí trưởng cũng bị chị Dậu "túm tóc, lẳng cho một cái, ngã nhào ra thềm". Vốn là một phụ nữ chất phác, hiền lương, những hành động phản kháng bất ngờ và mạnh mẽ của chị Dậu là kết quả tất yếu của tình yêu thương và nỗi căm giận. Hành động phản kháng mãnh liệt của chị Dậu là minh chứng cho một qui luật đời sống: có áp bức, có đấu tranh.

ĐỀ SỐ 30.

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Chọn	B	A	B	B	A	B	C	B	C	A

PHẦN II: TỰ LUẬN.

1. Tính cách ông Guốc-đanh

– Ngu dốt vì chẳng biết gì về lễ phục nhưng lại thích sang. Kết quả là bị lợi dụng.

– Ngớ ngẩn vì bị lợi dụng mà vẫn không làm gì để đòi lại

– Thích danh hão.

a. Mở bài: Bác Hồ luôn quan tâm đến thế hệ trẻ
Bác đã dặn dò: "Non sông. . . của các em"

b. Thân bài:

– Nhiệm vụ của học sinh là học tập tốt để làm vẻ vang cho đất nước. . .

– Học tập tốt – học sinh sẽ có kiến thức, trở thành những công dân có trình độ cao, xây dựng đất nước tiến kịp thời đại.

– Thực tế cho thấy: nhờ học tập tốt mà con người ta làm cho tên tuổi đất nước vang xa.

c. Kết bài: – Bác Hồ gửi gắm niềm hi vọng vào thế hệ trẻ.
– Học sinh phải làm theo lời Bác Hồ dạy.

ĐỀ SỐ 31.

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Chọn	B	A	D	A	C	A	C	D

PHẦN II: TỰ LUẬN.

1. Đọc kĩ lại đoạn văn:"Lúc đầu học tiểu học. . . xin chớ bỏ qua"(La Sơn Phu Tử Nguyễn Thiếp – *Bàn luận về phép học*)

⇒ Sự gợi ý về phương pháp học.

2. Đây là vấn đề lớn của xã hội ngày nay. Có thể lựa chọn các vấn đề sau:

– Suy nghĩ về nỗi đau của những bạn tật nguyền vì ảnh hưởng chất độc da cam.

– Trách nhiệm của xã hội về nỗi đau của những trẻ tật nguyền vì ảnh hưởng chất độc màu da cam.

* Tìm hiểu trên sách báo, các phương tiện truyền thông. . . để có hiểu biết và tư liệu viết bài.

* Lập hệ thống luận điểm để giải quyết vấn đề.

* Khi viết thành văn bản, cần xen các yếu tố tự sự, miêu tả và biểu cảm một cách hợp lí để tăng sức thuyết phục và truyền cảm.

ĐỀ SỐ 32.

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Chọn	C	C	A	D	A	A	C	A	A	D

PHẦN II: TỰ LUẬN.

2. Cần triển khai vấn đề: Nói "không" với các tệ nạn xã hội dựa vào các câu hỏi sau:

– Tệ nạn xã hội là gì?

– Tác hại của tệ nạn xã hội

– Nguyên nhân mắc các tệ nạn xã hội

– Cách phòng tránh và trách nhiệm của chúng ta.

2. Gợi ý: Tinh thần yêu nước, tự hào dân tộc được thể hiện chủ yếu qua các đoạn:

– "Huống gì. . . các khanh nghĩ thế nào?" (Chiếu dời đô)

– "Các ngươi . . . biết bụng ta" (Hịch tướng sĩ)

– "Như nước Đại Việt . . .còn ghi" (Bình Ngô đại cáo)

– Bố cục: lần lượt trình bày luận điểm biểu hiện cụ thể trong từng tác phẩm.

ĐỀ SỐ 33.

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Chọn	B	A	D	A	B	D	B	B	C	C

PHẦN II: TỰ LUẬN.

1. Bài Nam quốc sơn hà, quan niệm chủ quyền và độc lập dân tộc được khẳng định ở hai phương diện:

– Cương vực lãnh thổ (sơn hà)

– Chủ quyền (Thông qua vua)

– Bài Bình Ngô đại cáo cũng kế thừa sự khẳng định quốc gia, dân tộc ở hai phương diện đó nhưng bổ sung nhiều phương diện nữa: nền văn hiến, phong tục tập quán, lịch sử lâu đời, anh hùng hào kiệt.

– Quan niệm về đất nước và dân tộc của Nguyễn Trãi đạt đến độ sâu sắc và toàn diện.

2. Kiểu bài: Nghị luận chứng minh văn học.

Dàn ý: – Tình cảm thiết tha của các nhà thơ với thiên nhiên đất nước được biểu hiện qua một cảnh trăng trong rừng.

"Cảnh khuya – Hồ Chí Minh"

– Tình cảm thiết tha của các nhà thơ với thiên nhiên đất nước được biểu hiện qua một cảnh mùa hè tại đồng quê tràn đầy sức sống:

Khi con tu hú. . .

– Tình cảm thiết tha của các nhà thơ với thiên nhiên đất nước được biểu hiện qua một cảnh đẹp của làng chài ven biển ra khơi đánh cá trong một buổi bình minh:

" Khi trời trong gió nhẹ . . .

. . . . . . vượt trường giang"

ĐỀ SỐ 34.

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Chọn	D	A	B	D	B	A	C	D	A	B

PHẦN II: TỰ LUẬN.

Học sinh tự làm được.